

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP BẢN SAO CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ,
KẾT QUẢ SAT NĂM 2026**

(Cập nhật đến 16g30 ngày 23/6/2026)

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1	79105279	Đặng Phạm Thanh An	22/11/2008	7		
2	79010948	Đặng Thái An	06/08/2008	8.5		1560
3	79049509	Đào Quỳnh An	19/05/2008	6.5		
4	15005586	Đỗ Đức Bình An	13/06/2008	7		
5	79049510	Đoàn Bảo An	05/01/2008	7		
6	79005017	Đoàn Tổng Trường An	22/01/2008	6		
7	56018706	Đồng Hoàng An	13/03/2008	7		
8	75043054	Hồ Xuân An	27/04/2008	7		
9	79061908	Huỳnh Nguyễn Khánh An	01/06/2008	6.5		
10	66022344	Khúc Ngọc Hoài An	26/04/2008	6		
11	79005021	Lê Hoàng Duy An	06/07/2008	7.5		
12	79001216	Lê Ngọc Phương An	17/05/2008	7		
13	79005025	Lê Trần Minh An	10/04/2008	7.5		1490
14	79050478	Nguyễn Cát An	19/09/2008	7.5		
15	79010951	Nguyễn Đoàn Minh An	17/01/2008	7		
16	79105285	Nguyễn La Bảo An	19/10/2008	6		
17	79006576	Nguyễn Lê Khánh An	07/10/2008	6.5		
18	86029262	Nguyễn Lê Kiều An	12/01/2008	6		
19	79005027	Nguyễn Minh An	23/01/2008	7		
20	92013474	Nguyễn Mỹ An	10/01/2008	7.5		
21	92013475	Nguyễn Mỹ An	10/01/2008	8		
22	79103957	Nguyễn Ngọc Quỳnh An	18/01/2008	6.5		
23	79300013	Nguyễn Thanh An	27/01/2008	7		
24	79051402	Nguyễn Thị Diễm An	16/10/2008	7		
25	79002825	Nguyễn Thị Mỹ An	01/02/2008	7.5		
26	51007024	Nguyễn Trần Ngọc An	09/12/2008	7		
27	24024307	Nguyễn Trường An	14/11/2008	6.5		
28	92004624	Nguyễn Trường An	19/04/2007	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
29	48011331	Nguyễn Việt Nam An	18/12/2008	7.5		
30	91028702	Phạm Gia An	24/06/2008	6		
31	52000005	Phan Gia An	10/08/2008	7.5		
32	79061913	Phan Ngọc Khánh An	18/09/2008	6.5		
33	79005033	Sái Hồ An	24/11/2008	7		
34	79089298	Trần Huỳnh Minh An	02/10/2008	6.5		
35	79010359	Trần Ngọc Thiên An	12/12/2008	6		
36	75000008	Trần Thị Xuân An	05/11/2008	6		
37	75000009	Trần Thiên An	23/10/2008	6		
38	79000021	Vũ Trần Thanh An	11/11/2008	6.5		
39	79076518	Đặng Thiên Ân	29/08/2008	6		
40	79033157	Huỳnh Nguyễn Hồng Ân	25/04/2008	6.5		
41	48011356	Lê Thy Ân	25/10/2008	6		
42	79005086	Ngô Minh Ân	21/01/2008	6.5		
43	79108180	Nguyễn Hoàng Phúc Ân	17/09/2008	7		
44	79061949	Phạm Thiên Ân	20/07/2008	6.5		
45	79097875	Phan Ngọc Gia Ân	20/12/2008	6		
46	79016202	Thuyên Tuấn Ân	15/07/2008	7		
47	79005038	Đặng Nguyễn Phương Anh	04/11/2008	6.5		
48	68001761	Đào Hà Anh	30/10/2008	6		
49	79097835	Đào Hà Anh	19/06/2008	7		
50	79067972	Điệp Vũ Như Anh	05/09/2008	7		
51	56006967	Đỗ Châu Ngọc Anh	09/10/2008	6.5		
52	79047621	Đỗ Thị Vân Anh	04/10/2008	6		
53	79070070	Hán Nguyễn Duy Anh	19/04/2008	6.5		
54	79049529	Hồ Quỳnh Anh	29/03/2008	6		
55	79015151	Hoàng Mai Anh	24/02/2008	7.5		1410
56	79010955	Hoàng Quốc Anh	11/09/2008	7.5		1520
57	79087714	Huỳnh Anh	28/10/2008	6		
58	79010957	Huỳnh Trâm Anh	05/09/2008	6.5		
59	79020775	Huỳnh Tú Anh	05/04/2008	7.5		
60	79010958	Kim Huỳnh Ngân Anh	03/11/2008	8		1500
61	79048824	Lại Trí Quốc Anh	15/12/2008	7.5		
62	79010959	Lâm Khải Minh Anh	29/05/2008	7.5		1410
63	79061322	Lâm Quỳnh Anh	17/06/2007	8		1490

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
64	82027704	Lâm Trần Minh Anh	07/01/2008	6.5		
65	75032743	Lê Đức Anh	20/08/2008	6.5		
66	79061918	Lê Huyền Anh	07/09/2008	6.5		
67	79016185	Lê Kỳ Anh	15/02/2008	6		
68	79010960	Lê Lan Anh	08/04/2008	7		
69	79125700	Lê Minh Anh	28/08/2008	8		
70	82031859	Lê Ngọc Phương Anh	03/12/2008	7.5		
71	79049540	Lê Nguyễn Châu Anh	07/03/2008	8		1460
72	79010961	Lê Nguyễn Thảo Anh	10/08/2008	7.5		
73	79002835	Lê Nguyễn Trâm Anh	13/06/2008	7		
74	79061919	Lê Nguyễn Vân Anh	01/06/2008	6.5		
75	79036100	Lê Phạm Phương Anh	08/04/2008	6		
76	75000021	Lê Quỳnh Anh	07/01/2008	7		
77	79036733	Lê Quỳnh Anh	03/10/2007	6.5		
78	79061920	Lê Quỳnh Anh	03/02/2008	7		
79	86015151	Lê Thế Anh	01/05/2008	8		
80	79033141	Lê Thùy Minh Anh	31/10/2008	6.5		1400
81	56008202	Lê Trần Minh Anh	23/08/2008	7		
82	79010965	Lê Tuấn Anh	23/06/2008	8		1440
83	79053453	Lê Tuấn Anh	17/10/2008	6.5		
84	79010966	Lê Võ Tú Anh	29/09/2008	7.5		
85	79049543	Lương Hoàng Anh	23/08/2008	7.5		
86	68024672	Lương Quỳnh Anh	01/02/2008	6		
87	79010968	Lý Công Anh	04/08/2008	7.5		1460
88	79010969	Lý Hoàng Anh	27/01/2008	7.5		1390
89	79010970	Mạc Thái Trâm Anh	14/05/2008	6.5		
90	79002840	Nguyễn Bảo Thùy Anh	01/09/2008	6		
91	68001769	Nguyễn Châu Anh	23/01/2008	6		1440
92	79058662	Nguyễn Châu Anh	02/09/2008	6.5		1350
93	68005867	Nguyễn Chu Vân Anh	05/11/2008	6		
94	79060925	Nguyễn Cửu Quỳnh Anh	23/01/2008	7.5		
95	79005042	Nguyễn Diệp Anh	22/06/2007	8.5		
96	79005045	Nguyễn Đỗ Phương Anh	13/05/2008	6.5		
97	79010974	Nguyễn Duy Anh	31/10/2008	7		
98	79049545	Nguyễn Hồ Mai Anh	12/11/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
99	79010975	Nguyễn Hoàng Anh	26/12/2008	7		
100	79108165	Nguyễn Hoàng Anh	27/01/2008	6		
101	79010976	Nguyễn Hoàng Lan Anh	24/01/2008	7		
102	79061924	Nguyễn Hoàng Minh Anh	09/05/2008	7.5		
103	79010978	Nguyễn Hoàng Phương Anh	06/07/2008	7.5		1410
104	79049547	Nguyễn Hồng Anh	28/05/2008	6		
105	91015037	Nguyễn Lâm Quỳnh Anh	17/09/2008	6.5		
106	79005048	Nguyễn Lan Anh	13/08/2008	7.5		
107	01020398	Nguyễn Mai Anh	07/02/2008	6.5		
108	79010984	Nguyễn Ngọc Minh Anh	13/10/2008	7.5		
109	79010985	Nguyễn Ngọc Minh Anh	15/08/2008	6.5		1460
110	79002845	Nguyễn Ngọc Phương Anh	04/08/2008	6		
111	79005052	Nguyễn Ngọc Phương Anh	06/01/2008	6		
112	79033148	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	16/06/2008	6		
113	52023707	Nguyễn Ngọc Trang Anh	03/11/2008	6		
114	79061334	Nguyễn Ngọc Vân Anh	07/03/2007	6		
115	86011481	Nguyễn Ngọc Vân Anh	24/11/2008	7		
116	79010988	Nguyễn Phan Tú Anh	23/03/2008	7.5		1410
117	79010990	Nguyễn Phương Anh	02/02/2008	6.5		
118	79064364	Nguyễn Quang Hải Anh	25/07/2007	7		
119	79051431	Nguyễn Quỳnh Anh	30/04/2008	6		
120	79033149	Nguyễn Thái Minh Anh	11/05/2008	6.5		
121	79061337	Nguyễn Thái Trâm Anh	28/02/2007	6.5		
122	75006662	Nguyễn Thị Hà Anh	01/05/2008	6.5		
123	79039878	Nguyễn Thị Kim Anh	18/07/2007	6.5		
124	79049579	Nguyễn Thị Xuân Anh	01/02/2008	6		
125	79002849	Nguyễn Thiên Quỳnh Anh	13/02/2008	6		
126	79058670	Nguyễn Tiến Anh	02/01/2008	6.5		
127	79129702	Nguyễn Trần Hải Anh	04/04/2008	6		
128	75000034	Nguyễn Trần Minh Anh	26/05/2008	7		
129	86015162	Nguyễn Trần Minh Anh	06/06/2008	6		
130	79061338	Nguyễn Trần Nhật Anh	10/07/2008	6.5		
131	79061932	Nguyễn Trần Xuân Anh	17/03/2008	6.5		
132	79010993	Nguyễn Tường Anh	27/11/2008	7		
133	79020783	Nhan Hồng Anh	28/03/2008	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
134	56018043	Phạm Hà Anh	26/03/2008	7		
135	46003535	Phạm Hồ Trâm Anh	25/03/2007	7		
136	79108172	Phạm Hồng Anh	01/02/2008	6		
137	79010994	Phạm Huy Anh	02/06/2008	6.5		1430
138	79105334	Phạm Mai Hoàng Anh	19/03/2008	7		
139	79125734	Phạm Nguyễn Mai Anh	02/03/2008	6		
140	79108173	Phạm Phúc Anh	20/04/2008	6.5		
141	79016194	Phạm Phương Anh	04/10/2008	7		
142	79005067	Phạm Thị Minh Anh	31/08/2008	7.5		1430
143	79105335	Phạm Tuấn Anh	27/01/2008	6		
144	79049566	Phạm Vũ Minh Anh	28/11/2008	6		
145	79050543	Phan Minh Anh	04/11/2008	6.5		
146	79105336	Phan Minh Anh	14/01/2008	6		
147	79020786	Phan Quỳnh Anh	20/04/2008	6.5		
148	79016197	Phan Tuấn Anh	26/02/2008	6		
149	79108175	Phùng Tuấn Anh	08/10/2008	6		
150	79010995	Tạ Đức Anh	06/04/2008	6.5		
151	79061940	Tạ Ngọc Minh Anh	30/06/2008	6.5		
152	79033154	Thái Lâm Trâm Anh	23/11/2008	7.5		
153	79000050	Thân Ngọc Minh Anh	28/03/2008	6		
154	79032551	Tô Nguyễn Châu Anh	25/03/2007	6		
155	79049568	Tôn Trần Trâm Anh	21/04/2008	6.5		
156	79005075	Trần Hoàng Anh	26/08/2008	7.5		
157	66030169	Trần Hoàng Trâm Anh	02/11/2008	7		
158	48005333	Trần Lê Hải Anh	25/12/2008	6		
159	79061941	Trần Lưu Phúc Anh	04/11/2008	6		
160	92010025	Trần Nam Anh	23/05/2007	6		
161	79036743	Trần Ngọc Anh	07/12/2007	7		
162	79010999	Trần Ngọc Phương Anh	14/08/2008	6.5		
163	86029282	Trần Ngọc Trâm Anh	19/02/2008	7		
164	79105342	Trần Nguyễn Minh Anh	26/04/2008	8		1430
165	48014932	Trần Nguyễn Thục Anh	17/04/2008	7		
166	86015167	Trần Nguyễn Thùy Anh	19/09/2008	6.5		
167	79015615	Trần Nhật Phương Anh	10/03/2008	6		
168	22008763	Trần Phạm Thái Anh	09/01/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
169	79105344	Trần Quỳnh Anh	20/04/2008	6.5		
170	79087737	Trần Thị Kiều Anh	26/07/2008	6.5		
171	01036319	Trần Thị Mai Anh	20/08/2008	6.5		
172	22005874	Trần Thị Phương Anh	09/01/2008	7.5		
173	82007455	Trần Tuấn Anh	04/10/2008	6		
174	79061944	Trần Tuấn Kiệt Anh	09/12/2008	7		1380
175	48017158	Trần Văn Anh	17/04/2008	6		
176	91015864	Trì Hoàng Ngọc Anh	04/09/2008	6		
177	79016200	Trương Bùi Quỳnh Anh	25/08/2008	6		
178	79058681	Trương Tùng Anh	12/12/2008	6.5		
179	79105398	Trương Việt Anh	05/06/2008	6		
180	79033156	Võ Lê Mai Anh	28/07/2008	7		
181	79101502	Võ Lim Anh	02/05/2008	6.5		
182	92007832	Võ Minh Anh	14/12/2008	8		
183	86011490	Võ Ngọc Lan Anh	09/01/2008	6		
184	80000852	Võ Nguyễn Tâm Anh	09/12/2008	6.5		
185	79049575	Vũ Đức Anh	26/05/2008	7		1440
186	79051442	Vũ Hà Nam Anh	22/07/2008	6		
187	66021652	Vũ Lê Bảo Anh	27/10/2008	6.5		
188	79051444	Vũ Ngọc Mai Anh	25/02/2008	7		
189	79061947	Vũ Nguyễn Thái Anh	09/12/2008	7		
190	79069020	Vũ Thị Quỳnh Anh	05/08/2008	6		
191	75025584	Vũ Trần Minh Anh	08/01/2008	6		
192	79032556	Lê Phan Hồng Ánh	04/07/2008	6		
193	79051451	Lê Xuân Ánh	16/09/2008	6		
194	82015705	Nguyễn Nguyệt Ánh	04/05/2008	6.5		
195	51011509	Nguyễn Phạm Mỹ Ánh	14/10/2007	6		
196	79000832	Nguyễn Thị Ánh	14/07/1992	7		
197	79105351	Phan Nhật Ánh	17/05/2008	7		
198	79011004	Trần Lâm Nhật Ánh	05/06/2008	7		
199	01020440	Hồ Sỹ Bắc	20/04/2008	7		
200	79011021	Nguyễn Bá Phương Bắc	09/12/2008	7.5		1530
201	79005088	Hoàng Gia Bách	17/09/2008	7		1400
202	79011009	Trần Duy Bách	28/04/2008	6		
203	79126619	Trần Hữu Bách	26/09/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
204	79062925	Vũ Đình Việt Bách	28/11/2007	7		1450
205	79105377	Lê Hải Bằng	18/05/2008	6.5		
206	79061950	Diệp Trịnh Nguyên Bảo	11/04/2008	6		
207	79011012	Đoàn Gia Bảo	16/07/2008	8		
208	75015831	Dương Gia Bảo	27/12/2008	6		
209	79005091	Dương Gia Bảo	07/06/2008	6.5		
210	66023441	Hà Gia Bảo	08/09/2008	6.5		
211	82034245	Huỳnh Ngọc Thiên Bảo	15/04/2008	6.5		
212	75000066	La Nguyễn Quốc Bảo	27/01/2008	6.5		
213	75025600	Lê Gia Bảo	17/03/2008	6.5		
214	79058691	Lê Gia Bảo	11/09/2008	7.5		
215	86029298	Lê Hàn Chí Bảo	09/04/2008	7.5		
216	79105365	Lê Hữu Bảo	14/06/2008	6.5		
217	79011013	Nguyễn Gia Bảo	27/10/2008	8		1510
218	82029919	Nguyễn Hồ Gia Bảo	25/10/2008	6		
219	79058696	Nguyễn Hoàng Bảo	30/07/2008	7		
220	79011014	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	31/08/2008	6		
221	79020793	Nguyễn Kim Bảo	28/07/2008	6		
222	79105366	Nguyễn Lê Hữu Bảo	29/10/2008	7.5		
223	79011015	Nguyễn Phúc Gia Bảo	21/02/2008	7		1370
224	79116311	Nguyễn Phước Thiên Bảo	26/07/2008	7		1390
225	66030187	Nguyễn Thành Phúc Bảo	11/09/2008	6.5		
226	96000042	Nguyễn Thế Bảo	24/10/2008	6.5		
227	79011016	Nguyễn Tiến Bảo	25/06/2008	7		
228	79005103	Nguyễn Trần Nguyên Bảo	10/07/2008	6		
229	79020794	Nguyễn Văn Gia Bảo	25/08/2008	7.5		
230	79060333	Nguyễn Văn Năng Bảo	20/03/2008	7.5		
231	79105372	Phạm Hoàng Gia Bảo	06/04/2008	6.5		
232	79005106	Phạm Nguyễn Thiên Bảo	11/04/2008	7.5		
233	79061956	Phạm Thiên Bảo	26/05/2008			1410
234	79016205	Tô Hoàng Gia Bảo	31/03/2008	6.5		
235	79011018	Trần Đình Bảo	18/08/2008	6		
236	79061960	Trương Gia Bảo	21/05/2008	6.5		
237	79105376	Võ Khắc Bảo	10/04/2008	7.5		1400
238	79011022	Lưu Ngọc Bích	23/05/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
239	79002869	Nguyễn Ngọc Bích	31/01/2008	6.5		
240	79051465	Đặng Thái Bình	18/02/2008	7.5		
241	79012593	Đỗ Hồ Khánh Bình	11/08/2008	6.5		
242	79011024	Đồng Tất Bình	08/02/2008	8		1530
243	79108188	Dương Võ Duy Bình	27/04/2008	6.5		
244	75000079	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/04/2008	7		1410
245	79102687	Nguyễn Thị Thanh Bình	27/11/2008	6		
246	79102688	Phạm Nguyễn Tuấn Bình	29/11/2008	7.5		
247	52000041	Trần Duy Bình	29/05/2008	6		
248	79088534	Trần Ngọc Gia Bình	22/04/2007	6.5		
249	79069040	Trần Thiện Bình	12/10/2008	8		1410
250	79020798	Trương Nguyễn Hòa Bình	19/06/2008	7.5		
251	79002870	Trương Phước Bình	23/10/2008	6		
252	79105383	Võ Thanh Bình	24/06/2008	6.5		
253	82012890	Võ Thanh Bình	18/04/2006	6.5		
254	79061962	Ngô Gia Bửu	13/12/2008	6.5		
255	79020799	Nguyễn Đặng Vân Cát	06/06/2008	8		
256	79051469	Phạm Mai Hồng Cát	24/07/2008	7.5		
257	66030201	Phạm Ngọc Minh Chân	16/02/2008	7.5		1460
258	79011027	Lê Tinh Chấn	12/09/2008	6.5		
259	79033169	Ngô Minh Chánh	04/04/2008	7		
260	79011028	Bùi Minh Châu	20/06/2008	6.5		
261	79011029	Đào Ngọc Bảo Châu	30/01/2008	8		1480
262	86011510	Đoàn Bảo Châu	05/11/2008	6.5		1550
263	82007487	Hồ Nguyễn Bảo Châu	29/03/2008	7		
264	79108195	Huỳnh Ngọc Kim Châu	23/02/2008	6		
265	79000107	Lê Hoàng Bảo Châu	14/12/2008	7		
266	79058713	Lương Phan Bảo Châu	11/03/2008	7.5		1360
267	79037365	Nguyễn Dương Ái Châu	20/08/2008	6		
268	75025618	Nguyễn Hoàng Minh Châu	03/06/2008	6		
269	66032637	Nguyễn Huyền Bảo Châu	22/04/2008	6.5		
270	79016212	Nguyễn Lê Bảo Châu	05/05/2008	8		
271	79011032	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	05/08/2008	6		
272	79098556	Nguyễn Ngọc Hồng Châu	26/08/2008	7.5		
273	01069260	Nguyễn Ngọc Minh Châu	11/06/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
274	01027776	Phạm Minh Châu	06/11/2008	6		
275	79002878	Phạm Minh Châu	23/05/2008	7.5		1420
276	79011033	Phan Ngọc Minh Châu	21/08/2008	7		
277	86029317	Tô Minh Châu	21/01/2008	6.5		
278	79005117	Trần Nguyễn Bảo Châu	06/11/2008	7		
279	66030210	Trần Thị Diệu Châu	27/02/2008	6.5		1410
280	80008426	Trương Hoài Minh Châu	17/05/2008	6		
281	75021285	Võ Ngọc Hoàng Châu	15/12/2008	7		
282	51006287	Đoàn Ngân Chi	23/10/2008	6		
283	79105391	Đoàn Ngọc Nam Chi	04/01/2008	6		
284	79048857	Nguyễn Quế Chi	21/11/2008	6		
285	56018069	Nguyễn Vũ Uyên Chi	20/05/2008	6.5		
286	79000115	Nguyễn Vũ Uyên Chi	10/11/2008	6.5		
287	79058718	Phạm Ngọc Lan Chi	29/11/2008	6		
288	96012071	Phan Quỳnh Chi	19/09/2008	7		1360
289	79020803	Trần Ngọc Mai Chi	24/02/2008	7.5		
290	24024405	Vũ Lan Chi	29/10/2008	6.5		
291	79011036	Trần Tiến Nguyên Chương	17/01/2008	7.5		1390
292	79002883	Nguyễn Song Chuyên	16/05/2008	6.5		
293	66030221	Nguyễn Mạnh Cường	20/11/2008	6.5		
294	79075962	Huỳnh Nhật Cường	21/07/2008	7		
295	44006787	Nguyễn Chí Cường	18/02/2008	7		
296	79011037	Nguyễn Xuân Cường	03/02/2008	6.5		
297	68001829	Phạm Mạnh Cường	25/03/2008	7		
298	92022004	Trịnh Chí Cường	12/03/2008	6		
299	79016226	Lê Gia Đại	28/06/2008	7		
300	92022005	Trần Dũ Dân	14/07/2008	7		
301	79011039	Trần Ngọc Dân	02/06/2008	7		
302	48018909	Huỳnh Khánh Đan	22/03/2008	6.5		
303	79105451	Nguyễn Linh Đan	21/10/2008	8		
304	44015442	Nguyễn Ngọc Khánh Đan	17/09/2008	6		
305	82027766	Nguyễn Ngọc Minh Đan	05/02/2008	7		
306	79051513	Nguyễn Trần Khánh Đan	22/10/2008	6.5		
307	79011055	Phạm Minh Đan	21/08/2008	7		1340
308	79033195	Tôn Quỳnh Linh Đan	01/01/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
309	79020812	Trần Nguyễn Việt Đan	01/12/2008	6		
310	52000589	Trần Nguyên Đan	02/09/2008	8		
311	75017998	Lê Hoàng Hải Đăng	18/11/2008	7.5		
312	68016410	Nguyễn Dương Hải Đăng	26/02/2008	6		
313	79105468	Nguyễn Lê Hải Đăng	28/08/2008	7		
314	79012680	Nguyễn Minh Đăng	29/04/2008	6		
315	91015935	Nguyễn Ngọc Nhã Đăng	17/11/2008	6		
316	79011060	Vũ Nguyễn Hải Đăng	26/05/2008	7		1490
317	96000072	Đỗ Phúc Danh	29/06/2008	6.5		
318	82027741	Dương Huỳnh Công Danh	25/09/2008	6		
319	79011038	Hà Hoàng Danh	15/01/2008	7		1410
320	66022511	Cao Xuân Tuấn Đạt	14/07/2008	6.5		
321	79049635	Đặng Đình Tiến Đạt	24/07/2008	6		
322	86029346	Lâm Mẫn Đạt	12/08/2008	8		1580
323	66022518	Lê Quốc Đạt	22/04/2008	6		
324	79002903	Nguyễn Hữu Khánh Đạt	22/10/2008	8		1450
325	79016231	Nguyễn Minh Đạt	07/04/2008	6		
326	79061991	Nguyễn Minh Đạt	21/05/2008	6.5		
327	91016733	Thái Mai Đạt	02/01/2008	7.5		
328	79108222	Trần Phát Đạt	22/06/2008	6		
329	42006131	Trần Tuấn Đạt	26/01/2008	6		
330	79002904	Trương Gia Đạt	29/07/2008	6.5		
331	66022525	Trương Quốc Đạt	17/03/2008	6		
332	79061995	Lưu Khoa Diễm	30/09/2008	6		
333	79011040	Trần Nguyễn Xuân Diên	10/08/2008	8.5		
334	79106267	Khổng Thị Bạch Diệp	25/07/2008	6		
335	01012941	Lưu Thị Ngọc Diệp	04/05/2008	7.5		
336	79047680	Nguyễn Bảo Ngọc Diệp	23/02/2008	7		
337	38013154	Nguyễn Lê Ngọc Diệp	15/04/2008	6		
338	75025639	Nguyễn Minh Ngọc Diệp	22/10/2008	6		
339	79051487	Trương Ngọc Diệp	23/02/2008	6		
340	79002887	Nguyễn Phương Diệu	06/09/2008	8.5		
341	79015409	Hoàng Dĩnh	27/02/2008	6.5		
342	79105471	Lê Nguyễn Hải Đoan	03/10/2008	6		
343	68000931	Phạm Nguyễn Minh Đoan	16/06/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
344	79049607	Chiêm Ngọc Khả Doanh	14/09/2008	6		
345	79016218	Lạc Âu Gia Doanh	21/02/2008	6		
346	79016236	Bùi Hải Đông	02/08/2008	6.5		
347	52000084	Trần Quang Đông	15/07/2008	6.5		
348	91015165	Nguyễn Ngô Đồng	21/04/2008	7		
349	79011050	Huỳnh Khánh Dư	01/06/2008	7		1500
350	44006845	Bùi Minh Đức	05/03/2008	6		
351	79105474	Đỗ Hoàng Đức	14/11/2008	6.5		
352	48004624	Đoàn Phước Nguyên Đức	26/12/2008	6		
353	79000168	Huỳnh Đồng Minh Đức	21/12/2008	6.5		
354	79112970	Lê Minh Đức	05/09/2008	8		
355	68016418	Lê Phạm Việt Đức	01/09/2008	7		
356	79002909	Ngô Minh Đức	10/02/2008	6.5		
357	79002910	Nguyễn La Minh Đức	05/05/2008	7.5		1470
358	01020494	Nguyễn Minh Đức	07/09/2008	7		
359	01028670	Nguyễn Minh Đức	22/12/2008	8		1440
360	68000939	Nguyễn Vũ Minh Đức	25/09/2008	6		
361	79063066	Phan Minh Đức	14/05/2008	6		
362	79011042	Huỳnh Thị Thùy Dung	03/10/2008	7		
363	79011043	Nguyễn Hoàng Dung	18/07/2008	6.5		
364	86011533	Nguyễn Thị Phương Dung	21/11/2008	6.5		
365	01020463	Nguyễn Thùy Dung	26/03/2008	7.5		
366	52021607	Nguyễn Thùy Dung	01/02/2008	6		
367	79011044	Nguyễn Thùy Dung	29/01/2008	6.5		
368	79057315	Nguyễn Trần Mỹ Dung	24/11/2008	7		
369	79111274	Phạm Bùi Hoàng Dung	09/03/2008	7.5		
370	79011045	Trần Ánh Dung	11/12/2008	6		
371	48003642	Trần Ngọc Hạnh Dung	29/05/2008	6		
372	66033149	Trần Ngọc Phương Dung	19/10/2008	6.5		
373	79061403	Bùi Lê Tấn Dũng	09/07/2008	6.5		
374	82007504	Đặng Trí Dũng	24/08/2008	6.5		
375	79061975	Đinh Minh Dũng	17/02/2008	7		
376	79011046	Lâm Quang Dũng	02/11/2008	6		
377	38002376	Lê Anh Dũng	13/03/2008	6.5		
378	79105415	Mạch Trí Dũng	18/11/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
379	79051498	Nguyễn Hoàng Dũng	29/12/2008	6		
380	51006306	Nguyễn Quang Dũng	17/07/2008	7.5		
381	80017336	Nguyễn Trần Minh Dũng	26/03/2008	7		
382	79105418	Nguyễn Trung Dũng	18/09/2008	7.5		
383	66021720	Phạm Nguyễn Quốc Dũng	15/11/2008	7		
384	79105423	Trần Trí Dũng	01/04/2008	7		
385	56008271	Trần Vũ Dũng	08/02/2008	7		
386	42005251	Võ Tá Dũng	01/09/2008	6.5		
387	79010439	Chu Trần Thiệu Dương	01/03/2008	7		
388	79001890	Huỳnh Ngọc Ánh Dương	22/11/2008	6.5		
389	66006328	Lê Thùy Dương	08/03/2008	6		
390	79011052	Nguyễn Ánh Dương	19/09/2008	8		1340
391	79048874	Nguyễn Bá Đăng Dương	03/07/2008	7		
392	01028633	Nguyễn Hoàng Dương	15/02/2008	6.5		
393	66017734	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	14/04/2008	7		
394	14004195	Nguyễn Thiên Dương	06/11/2008	7.5		
395	01020477	Nguyễn Thùy Dương	05/03/2008	7.5		1530
396	79010446	Nguyễn Thùy Dương	30/04/2008	7.5		
397	79096499	Võ Lê Hoàng Dương	14/01/2008	6.5		
398	79051500	Bùi Nguyễn Nhật Duy	03/09/2008	7		
399	68032279	Cung Đình Khánh Duy	13/05/2008	7		1410
400	79011048	Đặng Vũ Bảo Duy	13/10/2008	7		1400
401	91015906	Huỳnh Anh Duy	01/01/2008	7		
402	79002895	Nguyễn Công Duy	26/05/2008	6		
403	40004255	Nguyễn Đình Duy	04/02/2008	7		
404	79108208	Nguyễn Khánh Duy	31/07/2008	6		
405	79051504	Nguyễn Võ Khánh Duy	03/01/2008	7		
406	79002896	Phạm Khánh Duy	24/09/2008	7		
407	79006236	Phạm Ngọc Phương Duy	24/08/2008	7		
408	79002897	Phạm Nguyễn Bảo Duy	14/10/2008	7		
409	79061417	Võ Minh Duy	26/10/2005	6.5		
410	79011049	Vũ Đình Anh Duy	23/08/2008	6.5		
411	75006725	Bùi An Duyên	19/10/2008	6		
412	79010438	Lê Huỳnh Kim Duyên	05/09/2008	6		
413	79032604	Lê Thị Hồng Duyên	09/05/2007	7		1430

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
414	79003425	Nguyễn Châu Kỳ Duyên	18/03/2008	7		
415	79049623	Nguyễn Kim Duyên	16/09/2008	7		
416	79125824	Nguyễn Ngọc Duyên	18/07/2008	6.5		
417	80008456	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	01/01/2007	6		
418	79061419	Tôn Nữ Mỹ Duyên	18/10/2007	6.5		
419	79087812	Trần Mỹ Duyên	03/11/2008	6		
420	79069632	Trần Ngọc Duyên	19/11/2008	6.5		
421	68024758	Trần Bảo Gia	10/09/2008	6.5		
422	01114922	Đặng Hương Giang	13/12/2007	7		1390
423	40012167	Hồ Thảo An Giang	01/09/2007	6		
424	80015571	Lê Minh Giang	12/09/2008	6.5		
425	79049648	Lê Mỹ Giang	31/01/2008	7		
426	79097993	Lê Quang Vệ Giang	31/01/2008	6.5		
427	79108226	Lư Vũ Lam Giang	08/06/2008	6		
428	66022565	Ngô Phương Giang	20/09/2008	6.5		
429	79097998	Nguyễn Phan Hương Giang	01/10/2008	7		1410
430	79108227	Nguyễn Phước Giang	09/07/2008	6.5		
431	79010466	Nguyễn Song Hương Giang	24/05/2008	6		
432	79120381	Trần Hồng Châu Giang	21/02/2008	6.5		
433	79011064	Nguyễn Khánh Giao	15/05/2008	6		
434	79015230	Nguyễn Ý Thiên Giao	01/11/2008	6.5		
435	79049650	Bùi Diệu Hà	16/11/2008	6.5		
436	79002915	Đoàn Nguyễn Việt Hà	27/02/2008	8		1530
437	79049651	Dương Nguyễn Thái Hà	28/10/2008	7.5		
438	79126818	Hồ Thái Hà	05/02/2008	7		
439	79006284	Hoàng Ngọc Hà	29/04/2008	6		
440	79011066	Lâm Cao Thanh Hà	18/09/2008	7.5		1500
441	51006371	Lê Đặng Thanh Hà	18/09/2008	6		
442	79087854	Ngô Ngọc Ngân Hà	29/08/2008	6		
443	79020822	Nguyễn Khánh Hà	03/08/2008	7.5		
444	79049653	Nguyễn Khánh Hà	16/12/2008	7		1370
445	66030277	Nguyễn Lê Khánh Hà	31/01/2008			1590
446	79011067	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	03/06/2008	7		1420
447	01022897	Nhữ Anh Hà	18/02/2008	7.5		1460
448	79011068	Phạm Ngân Hà	14/04/2008	8		1520

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
449	79058777	Phạm Ngọc Hà	05/02/2008	6.5		
450	56008323	Phạm Thái Hà	05/08/2008	7.5		
451	79129853	Phạm Thiện Hoàng Hà	27/10/2008	6.5		
452	79069682	Thái Ngân Hà	03/02/2008	6.5		
453	79032640	Trần Ngọc Khánh Hà	24/06/2007	7		
454	79042692	Trần Thị Khánh Hà	18/01/2008	6		
455	79127370	Võ Thị Bích Hà	04/12/2008	7		
456	48017225	Huỳnh Hồng Hải	24/05/2008	6		
457	68024768	Nguyễn Huỳnh Quốc Hải	14/01/2008	6		
458	79058778	Nguyễn Phước Hải	08/03/2008	7.5		
459	79104635	Vũ Thanh Hải	20/04/2008	6		
460	79005192	Đào Gia Hân	01/06/2008	6.5		
461	79029264	Đỗ Trịnh Gia Hân	31/12/2008	6		
462	80004685	Đoàn Nguyễn Gia Hân	05/02/2008	6.5		
463	79033223	Đoàn Phạm Minh Hân	09/07/2008	6		
464	79098033	Hồ Bảo Hân	20/01/2008	6		
465	79005193	Huỳnh Gia Hân	22/09/2008	6.5		
466	80026315	Huỳnh Gia Hân	15/11/2008	6.5		
467	56008335	Huỳnh Khánh Hân	07/02/2008	8		
468	79066399	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	14/12/2008	6.5		
469	48008691	Huỳnh Trần Khả Hân	25/01/2008	6.5		
470	79011073	Lâm Khả Hân	25/01/2008	6		
471	79005735	Lê Gia Hân	17/06/2008	6		
472	79098036	Lê Hoàng Ngọc Hân	08/07/2008	7		
473	79062028	Lê Ngọc Hân	15/11/2008	7		
474	01017150	Lê Phương Hân	06/02/2008	7.5		1440
475	79011076	Lương Nguyễn Gia Hân	22/03/2008	8		1530
476	79087880	Lưu Gia Hân	15/02/2008	6		
477	79058784	Mai Ngọc Hân	26/02/2008	7		
478	52021672	Ngô Gia Hân	24/09/2008	6		
479	79062029	Nguyễn Bảo Hân	22/01/2008	6.5		
480	79011078	Nguyễn Châu Ngọc Hân	28/11/2008	6		
481	79002927	Nguyễn Hồng Bảo Hân	14/07/2008	7		
482	79000205	Nguyễn Kiều Bích Hân	28/03/2007	6.5		
483	86011583	Nguyễn Kim Hân	22/12/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
484	79019574	Nguyễn Lý Bảo Hân	17/03/2008	6		
485	79105513	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	19/01/2008	7		
486	96000145	Nguyễn Ngọc Vy Hân	10/08/2008	7.5		1370
487	79020832	Nguyễn Phương Hân	03/01/2008	7.5		
488	79049664	Nhan Thụy Hân	20/08/2008	7.5		1520
489	79005744	Phạm Ngọc Gia Hân	02/08/2008	6.5		
490	48004672	Phan Nguyễn Mai Hân	05/10/2008	7		1370
491	79002930	Trần Đỗ Gia Hân	07/04/2008	7		1380
492	79098046	Trần Nguyễn Gia Hân	20/05/2008	6		
493	79022585	Trần Phạm Gia Hân	01/04/2008	8		
494	79052275	Trịnh Gia Hân	28/09/2008	6.5		
495	79125887	Trương Nguyễn Bảo Hân	10/10/2008	7.5		1400
496	79005748	Văn Ngọc Hân	30/11/2008	7.5		
497	79093880	Võ Gia Hân	27/04/2008	6		
498	79016247	Lương Nguyễn Thanh Hằng	30/10/2008	6.5		
499	79016248	Nguyễn Hoàng Thu Hằng	21/02/2008	6		
500	48004661	Nguyễn Minh Hằng	17/10/2008	6.5		
501	79105502	Nguyễn Minh Hằng	04/12/2008	8		
502	79061460	Nguyễn Thanh Hằng	22/03/2008	6		
503	79125878	Phạm Thị Thu Hằng	01/06/2008	6		
504	79002922	Trương Mỹ Hằng	25/11/2008	6.5		1400
505	79105496	Bùi Nguyễn Minh Hạnh	26/08/2008	8		1550
506	01000933	Hoàng Minh Hạnh	18/11/2008	7.5		
507	56008329	Lê Nguyễn Minh Hạnh	27/09/2008	8		
508	79011070	Lê Nguyễn Minh Hạnh	19/07/2008	7.5		1480
509	79011071	Nguyễn Mai Hạnh	24/03/2008	6.5		
510	79069686	Cao Gia Hào	09/11/2008	6.5		1340
511	79105499	Nguyễn Chấn Hào	16/11/2008	6.5		
512	80004679	Nguyễn Việt Hào	24/05/2008	6		
513	79011072	Phạm Phi Hào	30/12/2008	7		1430
514	91015195	Phù Quách Vĩnh Hào	08/05/2008	6		
515	79105500	Phùng Nhật Hào	09/11/2008	6.5		
516	79033219	Trần Hào	18/05/2008	6		
517	79003456	Trần Phúc Tấn Hào	25/03/2008	8		
518	79051551	Trịnh Gia Hào	17/09/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
519	86015278	Trần Khánh Như Hảo	22/04/2008	6		
520	79016258	Bùi Phương Hiền	28/10/2008	6.5		
521	66031631	Đàm Khánh Thục Hiền	04/02/2008	6.5		
522	01017152	Hoàng Thảo Hiền	13/10/2008	6.5		
523	79001930	Nguyễn Cao Minh Hiền	02/02/2008	6		
524	79002933	Nguyễn Thu Hiền	24/01/2008	6		
525	79005749	Phạm Đình Ngọc Hiền	13/03/2008	7.5		
526	79087888	Nguyễn Quang Minh Hiền	14/01/2008	7.5		1460
527	79020834	Phan Thế Minh Hiền	03/03/2008	7		
528	79011082	Nguyễn Phúc Hiệp	02/10/2008	7		1350
529	79011083	Võ Đức Hiệp	14/09/2008	6.5		
530	51004768	Bùi Đức Trung Hiếu	02/02/2008	7		
531	44017070	Hoàng Trung Hiếu	14/07/2008	6.5		
532	91015231	Huỳnh Gia Hiếu	26/11/2008	7		
533	79058798	Lê Bá Hiếu	01/01/2008	7		
534	79011084	Lê Đình Trung Hiếu	26/07/2008	8		
535	42006176	Lê Nguyễn Hiếu	17/11/2008	6		
536	79049670	Lê Trọng Hiếu	26/01/2008	7.5		
537	79047203	Nguyễn Đức Trung Hiếu	23/10/2008	6		
538	01008718	Nguyễn Minh Hiếu	03/12/2008	7		
539	79002935	Nguyễn Thuận Hiếu	05/01/2008	6		
540	91015997	Nguyễn Trần Thanh Hiếu	11/09/2008	6.5		
541	52020349	Nguyễn Văn Hiếu	01/02/2007	6.5		
542	48017261	Phạm Văn Hiếu	20/08/2008	7		
543	01028722	Trần Quang Hiếu	24/01/2008	6		
544	79090046	Võ Minh Hiếu	06/09/2008	7		
545	79002937	Võ Ngọc Hiếu	18/08/2008	6		
546	79010501	Lê Ngọc Xuân Hoa	12/04/2008	7		1360
547	79052292	Nguyễn Quý Quỳnh Hoa	27/01/2008	7		
548	79011087	Võ Lê Quỳnh Hoa	14/01/2008	6		
549	75000190	Khổng Thị Mỹ Hoà	06/05/2008	6.5		
550	79011088	Nguyễn Thanh Hoài	02/02/2008	7.5		1410
551	31005452	Đỗ Đức Huy Hoàng	18/04/2008	6		
552	79047763	Lê Minh Hoàng	23/10/2008	6.5		
553	79005756	Lưu Nguyễn Minh Hoàng	29/02/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
554	79105535	Ngô Duy Hoàng	09/01/2008	6.5		
555	79000233	Nguyễn Cửu Đăng Hoàng	25/12/2008	6		
556	80018228	Nguyễn Đăng Hoàng	27/01/2008	6.5		
557	68001928	Nguyễn Lê Hoàng	05/10/2008	6		
558	75000201	Nguyễn Lê Hoàng	14/05/2008	7.5		
559	80018229	Nguyễn Lê Huy Hoàng	22/04/2008	6		
560	79011092	Phạm Minh Hoàng	03/03/2008	6		
561	79010507	Phan Thanh Hoàng	29/09/2008	7.5		
562	68024808	Tô Quốc Hoàng	04/01/2007	6.5		
563	79105538	Triệu Lê Hoàng	02/09/2008	6		
564	79011094	Trương Minh Hoàng	18/05/2008	8		1510
565	66030324	Huỳnh Lương Kim Hồng	20/01/2008	6		1390
566	79049682	Lê Ánh Xuân Hồng	09/01/2008	7		
567	79002941	Lê Thị Ngọc Hồng	01/12/2008	6		
568	79011095	Nguyễn Phạm Ánh Hồng	13/05/2008	7		
569	79108255	Trần Thị Kim Hồng	08/03/2008	6		
570	48004703	Lê Tự Minh Hùng	03/03/2008	6		
571	79020845	Nguyễn Đại Hùng	01/11/2008	7.5		
572	79062057	Trần Dương Anh Hùng	10/08/2008			1430
573	48004713	Bùi Quang Hưng	25/02/2008	7		1400
574	01013003	Hoàng Gia Hưng	02/06/2008	8		
575	79098121	Hoàng Gia Phục Hưng	10/08/2008	6.5		
576	79098124	Lê Long Hưng	13/12/2008	6		
577	79020854	Lê Quang Hưng	18/03/2008	6		
578	79020855	Lê Thành Hưng	10/01/2008	8		1470
579	86007132	Lê Trung Hưng	28/08/2008	8		
580	52020410	Lý Gia Hưng	02/04/2008	6		
581	79011107	Nguyễn Hoàng Gia Hưng	04/09/2008	6.5		1420
582	91016045	Nguyễn Lâm Gia Hưng	23/11/2008	6.5		
583	79069721	Nguyễn Minh Hưng	16/07/2008	6.5		
584	51006459	Nguyễn Phúc Hưng	09/06/2008	7		
585	79059493	Nguyễn Quang Hưng	02/03/2008	7		1350
586	79015279	Nguyễn Trương Gia Hưng	29/10/2008	6		
587	73113052	Nguyễn Việt Hưng	03/02/2008	7		
588	79005768	Nguyễn Vĩnh Hưng	02/09/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
589	79108268	Quách Chấn Hưng	04/08/2008	6.5		
590	79005769	Trần Đức Hưng	22/10/2008	7.5		
591	79125966	Vũ Bảo Hưng	15/08/2008	8		
592	68016446	Đinh Quỳnh Hương	14/06/2008	6.5		
593	79020857	Hồ Quỳnh Hương	07/09/2008	6		
594	86011624	Lê Hồ Song Hương	24/01/2008	7		
595	79069724	Lê Quỳnh Hương	17/09/2008	7		1400
596	79011110	Nguyễn Bảo Liên Hương	21/07/2008	7.5		1460
597	68005177	Nguyễn Ngọc Hương	02/08/2008	6.5		
598	79076032	Phùng Phạm Quỳnh Hương	07/04/2008	7		
599	79108257	Bùi Phạm Nhật Huy	11/01/2008	6		
600	75008450	Đặng Quang Huy	08/09/2008	6		
601	79002945	Đoàn Nguyễn Gia Huy	10/04/2008	7		
602	79011096	Dương Gia Huy	15/06/2008	8.5		1410
603	79011097	Hà Gia Huy	10/04/2008	8		1490
604	79116462	Hứa Gia Huy	13/07/2008	7		
605	79020848	Huỳnh Nguyễn Gia Huy	30/11/2008	6.5		
606	79000241	Huỳnh Nhật Huy	14/12/2008	6		
607	79105553	Huỳnh Phan Đức Huy	18/02/2008	8		1490
608	46002782	Huỳnh Thế Nhật Huy	25/02/2008	7.5		
609	79002947	Lê Gia Huy	19/12/2008	6		
610	79049689	Lê Hoàng Huy	27/05/2008	6		
611	48004709	Ngô Trần Gia Huy	12/01/2008	6.5		
612	75000217	Nguyễn Anh Huy	14/04/2008	7.5		
613	79032683	Nguyễn Dương Đăng Huy	03/01/2007	6.5		1390
614	79036249	Nguyễn Gia Huy	10/11/2008	7.5		
615	79002952	Nguyễn Minh Huy	23/09/2008	6		
616	79002953	Nguyễn Ngọc Huy	28/07/2008	7.5		1450
617	52020388	Nguyễn Nhật Huy	25/09/2008	7		
618	79105560	Nguyễn Nhật Huy	17/06/2008	6		
619	79033263	Nguyễn Nhựt Huy	13/12/2008	6.5		
620	79011100	Nguyễn Phú Quang Huy	19/01/2008	6.5		1370
621	79063475	Nguyễn Quốc Huy	07/10/2008	6.5		
622	80004723	Nguyễn Quốc Gia Huy	17/01/2008	7.5		
623	79108264	Nguyễn Trần Quang Huy	03/07/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
624	79011101	Nguyễn Viết Tuấn Huy	24/12/2008	6.5		
625	52020395	Thái Gia Huy	28/06/2008	7		
626	79005764	Trần Bảo Huy	11/09/2008	8		1440
627	48011453	Trần Nguyễn Gia Huy	02/02/2008	6		
628	79105574	Trần Quang Huy	12/10/2008	8		
629	91014587	Trần Quốc Huy	08/01/2008	7		
630	79005765	Trương Hoàng Minh Huy	04/07/2008	6.5		
631	82027848	Võ Khánh Huy	28/04/2008	6		
632	79011105	Vũ Gia Huy	12/04/2008	7		1370
633	79087935	Vũ Gia Huy	25/04/2008	6		
634	79002956	Vũ Nguyễn Quang Huy	18/11/2008	7.5		1430
635	66022675	Vũ Tuấn Huy	29/01/2008	7		
636	66032762	Nguyễn Thanh Huyền	15/08/2008	6.5		
637	48017300	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/12/2008	7.5		
638	79098596	Tạ Thị Thanh Huyền	10/12/2008	6		
639	79000253	Lưu Như Huynh	04/03/2008	6		
640	79059508	Hồ Sỹ Phúc Hy	26/11/2008		100	
641	79105603	Kiều Bảo Hy	08/05/2008	7.5		
642	79062088	Phạm Gia Hy	29/09/2007	6.5		
643	07952349	Ngô Hoàng Kha	09/03/2008	6		
644	79002962	Nguyễn Trần Tuấn Khải	15/03/2008	6.5		
645	37023745	Trần Duy Khải	15/01/2008	6		
646	79012855	Trương Hoàng Khải	24/01/2008	6.5		
647	80018285	Võ Bảo Tuấn Khải	01/01/2008	6.5		
648	79048919	Bùi Minh Khang	02/05/2008	7.5		
649	75003072	Đinh Bá Bảo Khang	19/11/2007	6		
650	75042507	Đoàn Tấn Nguyên Khang	04/04/2008	7.5		
651	79002964	Huỳnh Vũ Nam Khang	07/09/2008	8		1340
652	79011115	Lâm Nguyễn Minh Khang	03/11/2008	7.5		1460
653	79105613	Lê Chí Phước Khang	06/01/2008	6.5		1480
654	86012115	Lê Duy Khang	11/02/2008	7.5		
655	79052355	Lê Nguyên Khang	26/02/2008	7		
656	79062098	Lê Trần Bảo Khang	31/07/2008	7		
657	79105617	Lý Hoàng Bảo Khang	10/10/2008	6.5		
658	79020862	Nguyễn Bá Bảo Khang	27/10/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
659	79052358	Nguyễn Đắc Việt Khang	16/10/2008	7		
660	79062101	Nguyễn Đăng Khang	25/02/2008	6.5		
661	79011118	Nguyễn Đức Khang	08/01/2008	7.5		1440
662	79105622	Nguyễn Duy Khang	22/05/2008	6.5		
663	79059521	Nguyễn Hữu Gia Khang	27/06/2008	7		
664	79011119	Nguyễn Lê Hoàng Khang	10/01/2008	7.5		1450
665	79033281	Nguyễn Lê Minh Khang	25/02/2008	6		
666	79104698	Nguyễn Nguyên Khang	20/11/2008	6		
667	66030375	Nguyễn Phúc Khang	07/06/2008	6		
668	79005781	Nguyễn Phúc Khang	16/01/2008	6.5		
669	79108284	Nguyễn Phúc Nguyên Khang	24/02/2008	6		
670	79005783	Nguyễn Tuấn Khang	18/02/2008	7		
671	79052360	Nguyễn Việt Khang	22/07/2008	6		
672	92026853	Nguyễn Vương Đình Khang	08/12/2008	6.5		
673	79033284	Phạm Bảo Khang	22/07/2008	7		
674	79011124	Trần Vĩnh Khang	03/03/2008	6		
675	79046510	Trần Đỗ Bảo Khang	13/01/2008	7		
676	79037484	Trần Gia Khang	20/08/2008	6.5		
677	79059527	Trần Lê Khang	24/04/2008	7		
678	79069731	Trần Minh Khang	17/09/2008	7		
679	79011123	Trần Nguyễn Bảo Khang	19/05/2008	6.5		
680	79108287	Trần Nguyễn Phúc Khang	04/07/2008	7		
681	79064975	Trương Gia Khang	13/02/2008	7		
682	79016292	Võ Huỳnh Phúc Khang	11/11/2008	8		1490
683	79005273	Hồ Ngọc Mai Khanh	05/04/2008	6.5		
684	82022875	Lê Tuấn Khanh	22/11/2008	6		
685	51004859	Lý Nguyễn Bảo Khanh	22/06/2008	6.5		
686	79019599	Nguyễn Hoàng Đan Khanh	23/07/2008	6		
687	79002972	Nguyễn Hoàng Mai Khanh	11/07/2008	8		1430
688	79011125	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	26/07/2008	6.5		1380
689	79002974	Nguyễn Ngọc Uyên Khanh	04/11/2008	7		
690	79060446	Nguyễn Trần Mai Khanh	23/02/2008	6		
691	01127142	Nguyễn Tuệ Khanh	10/12/2008	7		
692	79002975	Nguyễn Vũ Trúc Khanh	22/05/2008	6		
693	79130805	Tôn Thất Ngô Khanh	27/10/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
694	01028801	Trần Lê Khanh	21/11/2008	7		
695	68014200	Trần Nguyễn Yến Khanh	25/09/2008	6.5		
696	79003561	Trương Hồng Khanh	05/08/2008	7.5		
697	75006866	Bùi Nguyễn Gia Khánh	11/01/2008	6		
698	56008447	Đỗ Minh An Khánh	01/05/2008	6		
699	48004728	Lê Nam Khánh	16/11/2008	7.5		
700	79049730	Lê Trang Minh Khánh	28/02/2008	6.5		
701	79002978	Lý Quốc Khánh	02/09/2008	7.5		
702	79114320	Mai Huỳnh Gia Khánh	03/04/2008	6.5		
703	79062121	Mai Ngân Khánh	15/08/2008	7		1440
704	79062122	Mai Ngọc Khánh	15/08/2008	7		1390
705	75000249	Nguyễn An Khánh	15/03/2008	6.5		1420
706	79105634	Nguyễn Hoàng Khánh	25/05/2008	6.5		
707	92012013	Nguyễn Hữu Khánh	12/11/2008	7		
708	66030382	Nguyễn Lê Ngọc Khánh	18/05/2008	6.5		
709	68024877	Nguyễn Trần Duy Khánh	23/09/2007	6		
710	79020869	Phạm Ngọc Khánh	05/06/2008	7.5		1400
711	79105637	Phan Nguyễn Kim Khánh	08/01/2008	6.5		
712	79002984	Trần Nguyễn Ngọc Khánh	06/04/2008	6.5		
713	79002986	Trần Nhật Khánh	29/05/2008	7		
714	79023293	Trương Quốc Khánh	01/09/2008	7		
715	48011477	Đặng Chí Khiêm	16/04/2008	7.5		
716	79047811	Đặng Gia Khiêm	29/02/2008	6.5		
717	31018737	Đồng Xuân Khiêm	21/03/2008	7.5		
718	79002988	Mai Gia Khiêm	09/02/2008	8		
719	51015768	Phạm Nguyễn Gia Khiêm	05/07/2008	7		
720	79011129	Trương Anh Khiêm	30/09/2008	6.5		
721	96000210	Đặng Tân Khoa	23/06/2008	6.5		
722	79052376	Đỗ Anh Khoa	16/07/2008	7.5		1380
723	79011130	Đoàn Đỗ Minh Khoa	17/06/2008	7		1410
724	66022711	Hồ Diên An Khoa	06/06/2008	6.5		
725	79002989	Huỳnh Anh Khoa	26/04/2008	6.5		
726	79011132	Huỳnh Đăng Khoa	18/04/2008	7.5		1480
727	79108294	Huỳnh Tiến Khoa	14/05/2008	7		
728	79105646	Lê Anh Khoa	01/05/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
729	79108295	Lê Hữu Khoa	17/06/2008	6.5		
730	79047816	Ngô Đăng Khoa	03/03/2008	6.5		1420
731	91031327	Nguyễn Đỗ Đăng Khoa	02/12/2008	7.5		
732	79000296	Nguyễn Hoàng Khoa	28/10/2008	6		
733	79105652	Nguyễn Minh Khoa	04/08/2008	6.5		1370
734	79059947	Nguyễn Nam Anh Khoa	29/11/2008	7		
735	79011133	Phạm Đăng Khoa	11/03/2008	6.5		1450
736	79005794	Phạm Đình Khoa	19/11/2008	7		
737	79083440	Phạm Ngọc Minh Khoa	02/09/2008	6		
738	79036971	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	01/07/2006			1370
739	79098171	Phạm Văn Đăng Khoa	01/10/2008	6.5		
740	79061563	Phạm Xuân Khoa	02/11/2008	7		
741	79011134	Tô Đăng Khoa	18/05/2008	7		
742	79087981	Trần Anh Khoa	26/03/2005	6.5		1400
743	51006495	Trần Công Khoa	24/01/2008	6		
744	56008460	Trần Đăng Khoa	12/08/2008	6.5		
745	79108298	Trần Đức Minh Khoa	02/06/2008	7		
746	79011135	Trần Duy Khoa	12/10/2008	8		1460
747	79105659	Võ Nguyên Khoa	01/01/2008	6		
748	79011137	Bạch Hưng Khôi	19/05/2008	7		
749	79020883	Bùi Nguyễn Minh Khôi	30/10/2008	6.5		
750	56008464	Châu Mai Khôi	09/07/2008	7.5		1460
751	22009051	Đặng Minh Khôi	24/01/2008	6.5		
752	79002997	Đặng Nguyễn Minh Khôi	29/11/2008	7.5		
753	79105662	Đinh Minh Khôi	03/07/2008	6.5		
754	96012227	Hồ Đăng Khôi	17/10/2008	6		
755	79005800	Hồ Minh Khôi	27/02/2008	8		
756	79049749	Huỳnh Nguyễn Mai Khôi	16/08/2008	8		
757	79005285	Lê Đăng Khôi	01/04/2008			1520
758	68001987	Lê Đức Khôi	21/03/2008	6		
759	79005287	Mai Liêu Tuấn Khôi	21/10/2008	6.5		
760	79005801	Nguyễn Chí Khôi	15/12/2008	6.5		
761	79049751	Nguyễn Đăng Khôi	24/06/2008	6.5		
762	79105667	Nguyễn Đình Khôi	19/05/2008	6.5		
763	79005803	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	20/06/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
764	79052400	Nguyễn Khánh Gia Khôi	06/03/2008	6.5		
765	79105668	Nguyễn Lâm Khôi	28/09/2008	6		
766	79105669	Nguyễn Mai Khôi	04/08/2008	7.5		1490
767	01008758	Nguyễn Minh Khôi	18/03/2008	7.5		
768	79005804	Nguyễn Minh Khôi	27/08/2008	7		1350
769	79011139	Nguyễn Minh Khôi	09/01/2008	7.5		1390
770	79011140	Nguyễn Minh Khôi	22/11/2008	7.5		1470
771	79011141	Nguyễn Minh Khôi	24/06/2008	7.5		
772	79105671	Nguyễn Minh Khôi	18/09/2008	7		
773	80026397	Nguyễn Minh Khôi	13/06/2008	6		1440
774	79016302	Nguyễn Nhựt Minh Khôi	22/11/2008	7		
775	79020890	Phạm Mai Khôi	09/05/2008	7.5		
776	66030399	Phạm Minh Khôi	25/03/2008	6.5		
777	79005807	Phạm Minh Khôi	12/05/2008	6.5		
778	79052402	Phan Đăng Khôi	05/02/2008	7		
779	79005808	Phan Tuấn Khôi	15/12/2008	6		
780	79054193	Trần Chí Minh Khôi	02/12/2008	6.5		
781	79087990	Trần Đăng Khôi	09/09/2008	7		
782	79105681	Võ Đăng Khôi	02/04/2008	6		
783	01005392	Vũ Minh Khôi	14/04/2008	6		
784	86033185	Đặng Ngọc Như Khuê	17/05/2008	7		
785	79011144	Diệp Anh Khuê	14/10/2008	7.5		1340
786	79062145	Huỳnh Phạm Sao Khuê	07/05/2008	7		
787	01020773	Khúc Thị Minh Khuê	01/03/2008	7.5		1490
788	56008475	Lâm Minh Khuê	18/09/2008	7.5		1430
789	79108302	Lê Đình Thục Khuê	27/09/2008	6.5		
790	79062147	Lê Ngọc Kim Khuê	08/02/2008	6.5		
791	79011146	Lương Nguyễn Minh Khuê	09/02/2008	6.5		
792	79105684	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	18/04/2008	7.5		1350
793	79011149	Nguyễn Thị Gia Khuê	27/02/2008	7.5		1520
794	79098189	Tôn Nữ Như Khuê	23/12/2008	7		
795	79139177	Lê Trung Kiên	25/02/2008	6.5		
796	79052413	Lục Trung Kiên	29/01/2008	6		
797	79098194	Mai Trung Kiên	22/10/2008	7		
798	79047834	Nguyễn Hữu Kiên	27/06/2008	7		1340

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
799	91016104	Nguyễn Trung Kiên	12/03/2008	6		
800	68024905	Nguyễn Văn Chí Kiên	03/10/2008	7.5		
801	79069741	Đoàn Anh Kiệt	26/04/2008	6		
802	79105689	Huỳnh Anh Kiệt	12/05/2008	6.5		
803	52000793	Mai Tuấn Kiệt	29/12/2008	6		
804	75006897	Ngô Tuấn Kiệt	27/10/2008	7		
805	48011494	Nguyễn Bá Anh Kiệt	13/11/2008	6		
806	79003007	Nguyễn Thế Kiệt	19/05/2008	6.5		1370
807	01020188	Nguyễn Trần Tuấn Kiệt	20/01/2008	7.5		
808	79005814	Nguyễn Vương Tuấn Kiệt	07/01/2008	6.5		
809	79011154	Phạm Anh Kiệt	16/06/2008	7		1430
810	79105696	Trần Đăng Kiệt	28/06/2008	6.5		
811	79011155	Trương Tuấn Kiệt	01/01/2008	7.5		1400
812	79003010	Nguyễn Hoàng Kim	05/06/2008	6.5		
813	79003011	Nguyễn Hoàng Kim	16/06/2008	6.5		
814	79105700	Phạm Ngọc Thiên Kim	05/01/2008	7		
815	79062161	Trần Ngọc Thiên Kim	03/06/2007	6		
816	96012239	Dương Lý Nhã Kỳ	06/12/2008	7.5		
817	79016313	Huỳnh Hiếu Kỳ	28/10/2008	7		
818	80020419	Ngô Châu Nhã Kỳ	03/03/2008	6		
819	79101024	Nguyễn Quang Kỳ	30/07/2008	7.5		
820	66030417	Phan Nhã Kỳ	10/02/2008	6.5		
821	79016318	Bùi Cẩm Lạc	25/06/2008	6		
822	79011160	Nguyễn Học Lạc	09/06/2008	6.5		
823	92012046	Bùi Huỳnh Nhã Lam	24/11/2008	7.5		
824	79105710	Đinh Ngọc Hải Lam	28/08/2008	7.5		1390
825	79011161	Đoàn Thị Tố Lam	23/07/2008	8		1490
826	91016125	Ngô Ngọc Lam	09/08/2008	7		
827	79032759	Nguyễn Phúc Hải Lam	01/05/2007	6		
828	79059573	Phan Hồng Lam	07/05/2008	6.5		
829	79126018	Phan Huỳnh Lam	31/03/2008	7		
830	79068058	Trần Ngọc Lam	05/02/2008	6.5		
831	79003017	Bạch Võ Hoàng Lâm	14/04/2008	6.5		
832	79105727	Hoàng Ngọc Tường Lâm	10/01/2008	6.5		1390
833	48011497	Lê Tùng Lâm	29/15/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
834	68022621	Nguyễn Bảo Lâm	04/11/2008	7		
835	75000277	Nguyễn Chấn Lâm	21/06/2008	6		
836	01020809	Nguyễn Thanh Lâm	29/10/2008	7.5		1500
837	79011167	Nguyễn Thùy Lâm	13/07/2008	8.5		1540
838	79003019	Nguyễn Trần Mai Lâm	27/03/2008	7.5		1380
839	96000248	Quách Thái Lâm	06/04/2008	7		
840	79098215	Trần Hải Thùy Lâm	16/06/2008	6		
841	79105731	Trần Quốc Lâm	29/08/2008	6.5		
842	86012146	Trương Hoàng Hải Lâm	24/10/2008	6		
843	56010570	Trương Từ Lâm	16/08/2008	6.5		1430
844	48010712	Võ Nguyễn Tuệ Lâm	04/12/2008	7		
845	79020914	Huỳnh Đình Hoàng Lan	16/05/2008	6		
846	91033236	Lâm Ngọc Phương Lan	01/06/2008	6.5		
847	79113092	Lê Hoàng Lan	02/07/2008	7.5		
848	79020915	Ngô Hoàng Lan	03/02/2008	7		
849	79105721	Nguyễn Hương Lan	29/03/2008	6		
850	79105725	Trần Ngọc Hoàng Lan	02/06/2008	6		
851	79088012	Võ Yến Lan	08/12/2008	6.5		
852	79016333	Chen Xiao Le	24/08/2008	7		
853	40000452	Văn Thị Ngọc Lê	07/01/2008	7		
854	79016335	Trần Nhã Lê	28/05/2008	6		
855	75018162	Bùi Hải Liên	17/07/2006	6.5		
856	79062177	Nguyễn Hồng Liên	20/07/2008	8		
857	79016336	Nguyễn Ngọc Kiều Liên	06/10/2008	6.5		
858	79016339	Nguyễn Ngọc Quỳnh Liên	01/08/2008	6.5		
859	79052432	Bùi Vân Linh	10/08/2008	6.5		
860	75037046	Cáp Trúc Linh	24/10/2008	6.5		
861	79005828	Chu Bảo Linh	04/11/2008	7		
862	79016341	Cổ Khánh Linh	24/07/2008	6.5		
863	68008658	Dương Hoàng Linh	01/06/2008	6		
864	79052434	Hà Gia Linh	25/05/2008	6		
865	79005830	Hồ Ngọc Gia Linh	03/05/2008	6.5		
866	79069755	Huỳnh Khánh Linh	21/07/2008	7		1370
867	79076067	Huỳnh Ngọc Phương Linh	18/07/2008	7		
868	79065012	Huỳnh Nguyễn Khánh Linh	20/09/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
869	79054217	Lâm Thị Tuyết Linh	03/05/2008	6		
870	75001149	Lê Mai Ngọc Linh	26/03/2008	6.5		
871	79011174	Lê Trần Tuyết Linh	26/11/2008	8		1430
872	01013033	Long Phụng Linh	17/04/2008	6.5		
873	66030426	Nguyễn Đăng Gia Linh	22/04/2008	6.5		
874	75000289	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	07/02/2008	7.5		
875	79003026	Nguyễn Gia Ngọc Linh	11/12/2008	7.5		
876	79054220	Nguyễn Hải Linh	01/09/2008	6		
877	01017229	Nguyễn Hoàng Linh	13/03/2008	7.5		
878	01030212	Nguyễn Khánh Linh	02/08/2008	7.5		1520
879	40004421	Nguyễn Khánh Linh	18/04/2008	6.5		
880	79052440	Nguyễn Khánh Linh	10/12/2008	6.5		
881	52000201	Nguyễn Kiều Hương Linh	19/01/2008	7		
882	79005839	Nguyễn Lê Phương Linh	10/04/2008	6.5		
883	68002017	Nguyễn Ngô Nhật Linh	22/10/2008	6.5		1370
884	79011177	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	23/03/2008	7		
885	79062186	Nguyễn Phan Khánh Linh	27/09/2008	6.5		
886	79108895	Nguyễn Phương Linh	18/01/2008	6.5		
887	79003027	Nguyễn Tống Mỹ Linh	29/10/2008	6.5		
888	48911507	Nguyễn Trần Gia Linh	07/11/2008	8		
889	01041799	Phạm Hà Linh	22/09/2008	6		
890	66017966	Phạm Như Hà Linh	06/05/2005	8		1450
891	79013368	Phan Ngọc Linh	25/09/2008	6		
892	79061069	Tăng Mỹ Linh	21/05/2008	7.5		
893	79047869	Thạch Thị Hà Linh	21/04/2008	6		
894	48018982	Tống Tuệ Linh	03/07/2008	7.5		
895	79003030	Trần Diệu Linh	16/08/2008	6.5		
896	52000205	Trần Hoàng Phương Linh	20/11/2008	6.5		
897	79059594	Trần Khánh Linh	24/02/2008	7		
898	79105758	Trần Khánh Linh	30/10/2008	6.5		
899	79005319	Trần Thái Khánh Linh	28/06/2008	6.5		
900	31018829	Trần Thảo Linh	11/08/2008	6.5		
901	79108899	Trần Vũ Phương Linh	13/01/2008	7		
902	79011185	Trương Khánh Linh	30/11/2008	7.5		
903	79062195	Trương Ngọc Khánh Linh	29/03/2008	7		1390

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
904	79062196	Trương Nhật Linh	19/10/2008	6.5		
905	79011188	Võ Nguyễn Phương Linh	14/04/2008	6.5		
906	56007852	Vũ Phạm Hoàng Linh	23/04/2008	6		
907	79011200	Huỳnh Nguyễn Hữu Lộc	10/04/2008	7.5		1510
908	79052469	Lê Phước Lộc	01/01/2008	6		
909	40039959	Nguyễn Đình Thành Lộc	06/07/2008	6		
910	79052472	Nguyễn Tiến Lộc	17/04/2008	7.5		
911	79108914	Nguyễn Võ Tiến Lộc	29/10/2008	6		
912	79052473	Trần Văn Lộc	17/10/2008	7		
913	82015963	Phạm Trần Đức Lợi	18/03/2008	6		
914	79016379	Trần Tuấn Lợi	26/11/2008	6.5		
915	79049801	Đặng Hoàng Long	19/01/2008	7.5		1350
916	79011191	Hoàng Thành Long	02/03/2008	7		1340
917	79000350	Lê Hoàng Long	10/02/1998	7.5		
918	79105761	Lê Hoàng Long	19/09/2008	7		
919	79108906	Lê Hoàng Long	09/09/2008	7		
920	01002027	Ngô Hoàng Long	05/11/2007	7.5		1510
921	79052460	Ngô Ngọc Long	04/10/2008	6		
922	48004747	Nguyễn Hoàng Long	26/05/2008	6.5		
923	79108907	Nguyễn Phúc Bảo Long	15/04/2008	6.5		
924	79013376	Nguyễn Thành Long	07/11/2008	6.5		
925	79011194	Nguyễn Trần Bảo Long	09/11/2008	6.5		1390
926	79005857	Nguyễn Trần Hoàng Long	25/12/2008	6		
927	79032780	Nguyễn Việt Long	08/07/2007	7.5		
928	79108909	Nhâm Hoàng Long	05/01/2008	7		
929	79105766	Phạm Ngọc Hoàng Long	23/08/2008	6		
930	79037027	Phùng Hoàng Long	26/09/2005	7		
931	79126067	Trần Bảo Long	09/04/2008	6		
932	31018846	Trần Đức Long	08/06/2008			1340
933	79011197	Trần Lê Uy Long	30/04/2008	6.5		1380
934	79000356	Trần Tiến Long	21/07/2008	7		
935	79006935	Võ Hoàng Long	22/02/2008	6		
936	79089484	Nguyễn Võ Hoàng Luân	24/01/1998	8		
937	79003041	Trần Kiến Lương	22/11/2008	7.5		1430
938	52000221	Trương Phú Lương	11/07/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
939	79011205	Trần Quốc Lượng	14/02/2008	8		1530
940	44007074	Lê Ngọc Ly Ly	17/01/2008	6		
941	75006940	Lê Uyên Ly	07/03/2008	6		
942	79049811	Nguyễn Thảo Ly	05/03/2008	6.5		
943	79020952	Bùi Thanh Mai	31/07/2008	7.5		
944	79011207	Đỗ Xuân Mai	03/10/2008	6.5		
945	79120596	Huỳnh Ngọc Phương Mai	15/07/2008	6.5		
946	68002032	Lê Thanh Mai	31/01/2008	6.5		
947	79011211	Nguyễn Đoàn Lâm Mai	26/05/2008	6.5		
948	80018376	Nguyễn Hoàng Mai	25/04/2008	7		
949	79105771	Nguyễn Lê Phương Mai	20/07/2008	6		
950	79062221	Nguyễn Ngọc Mai	30/01/2007	6.5		
951	79054255	Nguyễn Ngọc Phương Mai	18/01/2008	6		
952	68013867	Nguyễn Trần Ngọc Mai	22/06/2008	6		
953	79076693	Trần Phúc Nhật Mai	30/09/2008	7.5		
954	79104775	Trần Xuân Mai	28/01/2008	6		
955	37023831	Vũ Phương Mai	15/05/2008	6		
956	68016067	Hoàng Gia Mẫn	28/06/2008	7		
957	79037039	Ngô Gia Mẫn	14/11/2008	6		
958	79003050	Nguyễn Gia Mẫn	03/08/2008	6		
959	79052484	Nguyễn Thiên Tuệ Mẫn	29/10/2008	6		
960	79052485	Quách Tuệ Mẫn	18/02/2008	7		
961	79062228	Trương Triệu Mẫn	11/06/2008	6.5		
962	79127072	Jung Hye Mi	22/07/2008	8		
963	79050139	Nguyễn Cao Hà Mi	15/01/2008	7.5		
964	79011218	Trịnh Ngọc Mi	19/11/2008	7		1440
965	79047897	Bùi Khuru Nhật Minh	27/07/2008	6.5		
966	79003051	Đặng Anh Minh	07/12/2008	7.5		
967	79052489	Đặng Gia Minh	28/09/2008	7.5		
968	79052491	Đặng Nhật Minh	09/11/2008	7		
969	80004837	Đặng Quang Minh	10/03/2007	7.5		1420
970	79088062	Đinh Bình Minh	02/01/2008	6		
971	66022828	Đỗ Ngọc Tuệ Minh	22/11/2008	6		1440
972	79105777	Đỗ Phúc Minh	13/09/2008	7		
973	79011643	Hà Kiến Minh	17/01/2008	7.5		1490

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
974	79062230	Hà Lê Minh	05/12/2007	6.5		
975	79059614	Hồ Tuấn Minh	31/10/2008	6.5		1370
976	79011644	Hoàng Ánh Minh	18/04/2008	7.5		1460
977	01028872	Hoàng Nhật Minh	19/10/2007	8		1510
978	79020963	Hoàng Nhật Minh	16/08/2008	6		
979	79003054	Hoàng Phan Nguyệt Minh	11/09/2008	6.5		
980	66030455	Huỳnh Thị Bảo Minh	11/06/2008	6		
981	79011646	Lê Minh	05/06/2008	8		1370
982	01017256	Lê Cao Minh	12/11/2008	6.5		
983	79047898	Lê Ngọc Minh	24/12/2008	7		
984	79105778	Lê Nguyễn Nhật Minh	15/02/2008	7		
985	79020965	Lê Nhật Minh	05/10/2008	6.5		
986	79005870	Lê Trần Quang Minh	23/02/2008	8		
987	46002956	Lữ Nguyệt Minh	13/10/2008	6.5		
988	79011648	Lý Huỳnh Chánh Minh	06/09/2008	7		
989	79011649	Mai Đức Minh	19/10/2008	7		
990	79105780	Mai Ngọc Minh	09/12/2008	6		
991	48004757	Mai Thái Minh	03/01/2008	7.5		1490
992	01020955	Nghiêm Thọ Bảo Minh	17/10/2008	6.5		
993	79105781	Ngô Huy Minh	21/01/2008	7		1470
994	79050143	Ngô Ngọc Minh	20/12/2008	6.5		
995	79114413	Ngô Vũ Công Minh	29/02/2008	6		
996	79088848	Nguyễn Bùi Bình Minh	04/05/2007	6		
997	79105782	Nguyễn Đức Minh	08/01/2008	8		
998	01020962	Nguyễn Duy Minh	26/07/2008	8		1520
999	75000330	Nguyễn Duy Minh	15/07/2008	7.5		
1000	19006293	Nguyễn Gia Minh	25/03/2008	7.5		
1001	79011652	Nguyễn Hoàng Đức Minh	20/10/2008	8		1420
1002	79003056	Nguyễn Hoàng Trí Minh	16/01/2008	8		1500
1003	79050144	Nguyễn Hồng Minh	17/05/2008	6		
1004	82027949	Nguyễn Hữu Minh	21/02/2008	6.5		
1005	79036323	Nguyễn Hữu Phúc Minh	19/02/2008	7		
1006	80004843	Nguyễn Khánh Minh	22/04/2008	7.5		
1007	79062235	Nguyễn Lâm Quang Minh	10/05/2008	7		
1008	79105785	Nguyễn Ngọc Ánh Minh	15/04/2008	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1009	79059621	Nguyễn Ngọc Phương Minh	11/03/2008	7		
1010	31025947	Nguyễn Nhật Minh	03/01/2008	8		
1011	79011654	Nguyễn Nhật Minh	02/06/2008	7.5		1460
1012	79047901	Nguyễn Nhật Minh	16/02/2008	7.5		1350
1013	79069784	Nguyễn Phan Quang Minh	02/09/2008	7		1360
1014	79105786	Nguyễn Quang Minh	27/10/2008	6.5		
1015	01020982	Nguyễn Tiến Minh	19/06/2008	7.5		
1016	86029511	Nhan Tuệ Minh	20/02/2008	6.5		1380
1017	79068096	Phạm Ánh Minh	04/11/2008	6.5		
1018	01020986	Phạm Nhật Minh	28/10/2008	7		
1019	79062237	Phan Anh Minh	22/08/2008	7		
1020	79003061	Quản Anh Minh	16/06/2008	6.5		
1021	79105788	Quảng Nguyễn Trọng Minh	28/08/2008	6		
1022	79054268	Thái Nguyên Minh	03/05/2008	6.5		
1023	42005594	Trần Đăng Quang Minh	20/09/2008	6		
1024	79020973	Trần Đức Minh	11/08/2008	7.5		1490
1025	66030463	Trần Nguyên Thái Minh	15/01/2008	7		
1026	79062240	Trần Quang Minh	30/07/2008	7.5		1530
1027	79005878	Trịnh Bình Minh	17/04/2008	8		
1028	75032427	Trương Quang Minh	09/11/2008	6		
1029	79005880	Trương Quang Minh	02/01/2008	6		
1030	79050152	Võ Ánh Minh	01/09/2008	7		
1031	92008140	Võ Nguyễn Diễm Minh	04/03/2008	6.5		
1032	79011660	Võ Nhật Minh	08/01/2008	8		1470
1033	79062242	Võ Quang Minh	27/02/2007	6		
1034	79050153	Vũ Nguyệt Minh	26/12/2008	6		
1035	79100433	Cao Lê Khánh My	12/05/2008	6		
1036	79060605	Cao Thanh Hà My	14/08/2008	8		
1037	79000383	Đỗ Đặng Trà My	07/01/2008	6		
1038	79005885	Lâm Diễm My	13/01/2008	6.5		
1039	79113166	Lê Thúy My	26/03/2008	7		
1040	52020567	Lương Vĩnh Quỳnh My	29/04/2008	6.5		
1041	79011666	Lưu Nguyễn Thảo My	01/07/2008	8		
1042	79011667	Lưu Phạm Diễm My	31/01/2008	7		
1043	01013083	Nguyễn Đào Hà My	01/10/2008	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1044	79098241	Nguyễn Lê Thảo My	19/11/2008	7		
1045	79108936	Nguyễn Ngọc Thúy My	11/08/2008	7		
1046	79108935	Nguyễn Ngọc Thùy My	11/08/2008	7.5		
1047	79062248	Nguyễn Trà My	11/07/2008	6.5		
1048	79108937	Nguyễn Trà My	06/08/2008	6.5		
1049	51005805	Phạm Ngô Hà My	23/07/2008	6		
1050	79108939	Phạm Thái Hà My	11/04/2008	6		
1051	79011672	Phan Trà My	16/01/2008	6		
1052	51006591	Trần Thị Thảo My	16/11/2008	6		
1053	79088081	Võ Lê Trà My	28/10/2008	6.5		
1054	79005891	Lâm Gia Mỹ	05/11/2008	7		
1055	79011674	Trần Ngọc Thẽ Mỹ	25/12/2008	6		
1056	79105804	Lê Ly Na	12/01/2008	8		
1057	79130114	Bùi Cao Nam	02/10/2008	6		
1058	48004763	Bùi Đức An Nam	10/09/2008	8		
1059	79105643	Bùi Nguyễn Nhật Nam	17/09/2008	6		
1060	79050158	Bùi Phương Nam	21/05/2008	6.5		
1061	79054286	Đặng Nhật Nam	06/03/2008	7.5		1340
1062	56007298	Đào Bảo Nam	02/12/2008	6		
1063	79003069	Hồ Nhất Nam	07/02/2008	7.5		1510
1064	01030375	Hoàng Bảo Nam	05/11/2008	6		
1065	79105805	Huỳnh Phương Nam	24/09/2008	6.5		
1066	48004765	Lê Bùi Huy Nam	01/02/2008	6		
1067	75000343	Lê Quốc Nam	04/04/2008	7		
1068	79003072	Nguyễn Khánh Nam	08/09/2008	7		
1069	79050161	Nguyễn Lưu Hải Nam	06/12/2008	6.5		
1070	75000345	Nguyễn Xuân Nam	16/01/2008	6.5		
1071	75000347	Phạm Trần Thành Nam	15/09/2008	7		
1072	79003073	Phan Bá Nam	17/12/2008	7		
1073	01021041	Trần Nhật Nam	04/04/2008	8		1530
1074	79105807	Trần Phương Nam	30/07/2008	6		
1075	79000401	Võ Hồ Hoàng Nam	09/02/2008	7		
1076	48017399	Vũ Hoàng Nam	17/02/2008	6.5		
1077	80004861	Hà Lê Bảo Nga	15/01/2008	6		
1078	79107268	Lý Tố Nga	24/10/2007	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1079	79126131	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	22/03/2008	8		
1080	80018407	Trần Thị Kim Nga	06/08/2008	6.5		
1081	79126132	Võ Thị Hồng Nga	11/01/2008	6.5		
1082	79062258	Bùi Lê Kim Ngân	02/08/2008	6.5		
1083	79052519	Đào Khánh Ngân	21/11/2008	6		
1084	01002128	Đỗ Quỳnh Ngân	24/07/2006	7		
1085	79050166	Hồ Hà Ngân	06/06/2008	8		1520
1086	01124987	Lê Kim Ngân	02/12/2008	7		
1087	79098246	Mã Thị Thảo Ngân	16/12/2008	6		
1088	79059634	Nghiêm Bá Thùy Ngân	25/03/2008	7		
1089	79100478	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	22/02/2008	6.5		
1090	79050174	Nguyễn Ngọc Hà Ngân	01/11/2008	7		
1091	52016671	Nguyễn Thị Thúy Ngân	02/02/2008	6.5		
1092	75001272	Phạm Thanh Ngân	21/10/2008	7		
1093	79052527	Thái Thanh Ngân	07/10/2008	6		
1094	79060036	Trần Lê Bảo Ngân	15/11/2008	7.5		
1095	79011686	Trần Thị Phương Ngân	06/04/2008	6.5		
1096	79033392	Trịnh Mỹ Ngân	28/01/2008	6		
1097	52000250	Võ Hoàng Ngân	09/04/2008	7.5		
1098	79005377	Võ Thu Ngân	15/01/2008	6		
1099	79130904	Nguyễn Trọng Ngạn	30/09/2008	7		
1100	79003086	Cù Thoại Nghi	17/05/2008	7		1340
1101	79016473	Đặng Gia Nghi	28/02/2008	7.5		
1102	79062266	Dương Bảo Nghi	29/07/2008	6		
1103	79069807	Hoàng Ngọc Phương Nghi	11/01/2008	7.5		
1104	79053804	Huỳnh Gia Nghi	07/10/2008	7		
1105	79005904	Lê Khắc Phương Nghi	25/01/2008	6		
1106	79016478	Lê Nguyễn Phương Nghi	03/04/2008	6.5		
1107	80018419	Nguyễn Đào Bảo Nghi	21/03/2008	8		
1108	79047316	Nguyễn Hoàng Phương Nghi	06/12/2008	6		
1109	79011693	Nguyễn Phương Bảo Nghi	04/06/2008	8		1450
1110	79052533	Nguyễn Trần Bảo Nghi	15/11/2008	6		
1111	79052534	Phạm Điền Nguyệt Nghi	13/12/2008	6		
1112	79003088	Phạm Lộ Bảo Nghi	18/10/2008	6.5		
1113	80003608	Phạm Ngọc Tú Nghi	19/12/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1114	79005912	Phạm Quỳnh Phương Nghi	30/07/2008	6.5		
1115	79050182	Phan Minh Nghi	01/01/2008	6.5		
1116	75000371	Quách Minh Nghi	05/01/2008	7		1340
1117	79050184	Thái Đoàn Phương Nghi	28/04/2008	7		
1118	91016994	Thái Hoàng Chiêu Nghi	04/12/2008	6.5		
1119	79108967	Trần Hồ Mẫn Nghi	07/09/2008	7		
1120	79058941	Trần Ngọc Bảo Nghi	05/01/2008	7.5		
1121	79011702	Võ Ngọc Minh Nghi	04/10/2008	7.5		1440
1122	79105827	Lê Huỳnh Trung Nghĩa	12/01/2008	8		
1123	40003836	Nguyễn Chí Nghĩa	26/09/2008	7.5		1440
1124	79054304	Nguyễn Trung Nghĩa	07/10/2008	6		
1125	01021070	Đàm Minh Ngọc	10/03/2008	8		1460
1126	75007663	Đào Bảo Ngọc	14/07/2008	6		
1127	52000252	Đinh Bảo Ngọc	30/10/2008	6		
1128	37000434	Đỗ Bảo Ngọc	06/12/2008	6		
1129	75021623	Hồ Lê Khánh Ngọc	29/08/2008	6		
1130	86011706	Huỳnh Bảo Ngọc	07/04/2008	6.5		
1131	91016231	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	30/03/2008	7.5		
1132	79032168	Lê Thị Hồng Ngọc	13/09/2008	7.5		
1133	79012350	Lê Thụy Bảo Ngọc	04/10/2008	6.5		
1134	79003092	Lê Trương Hoàng Ngọc	18/09/2008	6		
1135	79062275	Lìn Kim Ngọc	19/09/2007	6.5		
1136	56018904	Lương Trần Bảo Ngọc	04/07/2008	6		
1137	01021079	Mai Bảo Ngọc	18/08/2008	8		1510
1138	48011568	Ngô Hà Bảo Ngọc	28/12/2008	6		
1139	79011262	Ngụy Phan Khánh Ngọc	08/07/2008	8		1420
1140	79105834	Nguyễn Bảo Ngọc	11/12/2008	6.5		1350
1141	79021009	Nguyễn Đỗ Minh Ngọc	18/02/2008	8		1560
1142	79105836	Nguyễn Hoàng Ngọc	04/08/2008	6		
1143	79016499	Nguyễn Hồng Ngọc	03/12/2008	7.5		
1144	79018243	Nguyễn Huỳnh Thiên Ngọc	12/01/2008	6.5		
1145	75001298	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	27/11/2008	6.5		
1146	66022898	Nguyễn Ngô Như Ngọc	08/05/2008	7.5		
1147	79059643	Nguyễn Thị Minh Ngọc	29/11/2008	6.5		
1148	91033858	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	05/09/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1149	79010654	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	16/01/2008	6.5		
1150	79105841	Nguyễn Trịnh Hải Ngọc	01/03/2008	6.5		
1151	01036553	Nguyễn Vũ Minh Ngọc	05/08/2008	6		
1152	79061684	Phạm Bảo Ngọc	27/03/2008	6.5		
1153	79127118	Phạm Hồng Ngọc	19/10/2008	6		
1154	75051039	Phạm Khánh Ngọc	20/04/2008	6		
1155	86005749	Phan Hoàng Bảo Ngọc	08/03/2006	6		
1156	79050192	Thái Minh Ngọc	05/08/2008	6		
1157	79015342	Trần Khánh Ngọc	16/10/2008	7.5		
1158	92022215	Trần Minh Ngọc	18/05/2008	6		
1159	56007336	Trần Nhật Bảo Ngọc	15/11/2008	6		
1160	79108980	Trần Viên Lam Ngọc	03/03/2008	6		
1161	91016239	Trần Vũ Uyên Ngọc	22/02/2008	7.5		
1162	79016871	Trịnh Gia Ngọc	13/08/2008	7		1390
1163	79105843	Vũ Nguyễn Khánh Ngọc	17/05/2008	7.5		
1164	56009283	Vũ Trần Hoàng Bảo Ngọc	19/01/2008	6.5		
1165	79011721	Vương Khánh Ngọc	21/02/2008	7.5		1400
1166	79059644	Vương Nguyễn Bảo Ngọc	19/11/2008	6		
1167	68000399	Bùi Phúc Thuận Nguyên	11/02/2007	7		1500
1168	91015470	Bùi Thảo Nguyên	10/01/2008	6		
1169	80003641	Dương Minh Tường Nguyên	22/09/2008	6.5		
1170	79011724	Hà Vũ Cao Nguyên	22/04/2008	7		1410
1171	82027997	Hoàng Nguyên	23/09/2008	7		
1172	79037099	Huỳnh Khôi Nguyên	18/08/2007	7		
1173	79108983	Huỳnh Nguyễn Khôi Nguyên	26/06/2008	6		
1174	79088132	Huỳnh Thị Hạnh Nguyên	09/05/2008	6.5		
1175	48024884	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	16/05/2008	6		
1176	52000263	Khúc Thừa Nguyên	12/05/2008	6		
1177	79022872	Lê Chí Nguyên	01/06/2008	6.5		
1178	79033421	Lê Đình Nguyên	12/04/2008	6		
1179	79105845	Lê Hạnh Nguyên	11/06/2008	7		1420
1180	79052550	Lê Hoàng Khánh Nguyên	03/01/2008	6		
1181	79005938	Lư Hoàng Phúc Nguyên	15/03/2008	6.5		1460
1182	51005069	Nguyễn Anh Nguyên	29/06/2008	6.5		
1183	79011727	Nguyễn Bảo Nguyên	01/09/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1184	91016245	Nguyễn Hồng Lam Nguyên	26/03/2008	6		
1185	48011587	Nguyễn Lý Thảo Nguyên	14/10/2008	7.5		
1186	79050199	Nguyễn Minh Nguyên	15/06/2008	6		
1187	79016878	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	04/09/2008	6.5		
1188	79108986	Nguyễn Phước Nguyên	01/03/2008	7.5		
1189	79088134	Nguyễn Quang Nguyên	08/03/2008	7		
1190	79011730	Nguyễn Tấn Khôi Nguyên	26/02/2008	7.5		1480
1191	79052551	Nguyễn Thanh Nguyên	22/04/2008	7		
1192	75000394	Nguyễn Thị Bảo Nguyên	27/04/2008	6		
1193	79005939	Nguyễn Thùy Thảo Nguyên	03/11/2008	7		1430
1194	79105847	Nguyễn Trà Phúc Nguyên	15/01/2008	7		
1195	48011590	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	24/07/2008	6		
1196	79049162	Nguyễn Võ Thảo Nguyên	27/11/2008	7.5		
1197	48016852	Phạm Khôi Nguyên	23/03/2008	6		
1198	48017746	Phan Phương Nguyên	13/01/2008	7		
1199	79021024	Thiều Khôi Nguyên	10/01/2008	8		1430
1200	48011595	Trần Đình Thảo Nguyên	19/11/2008	6.5		
1201	68025032	Trần Hạnh Nguyên	29/06/2008	7		
1202	79105849	Trần Hạnh Nguyên	14/08/2008	7		
1203	79126173	Trịnh Khôi Nguyên	20/10/2008	7		1500
1204	75001315	Trương Phạm Phương Nguyên	06/08/2008	6		
1205	01028922	Uông Khôi Nguyên	14/07/2007	6.5		
1206	79062285	Võ Hạnh Nguyên	30/04/2008	6		
1207	40010779	Vũ Thị Hạnh Nguyên	27/03/2008	6.5		
1208	79011734	Đỗ Nguyễn	29/02/2008	7.5		1500
1209	68002089	Nguyễn Gia Nguyễn	31/01/2008	7		
1210	79105851	Nguyễn Lê Nguyễn	22/11/2008	6		
1211	79126174	Nguyễn Giang Lâm Nguyệt	04/02/2008	7.5		
1212	79011736	Huỳnh Phương Nhã	24/05/2008	7		
1213	79033426	Nguyễn Trần Thanh Nhã	06/11/2008	8		1380
1214	51011715	Phan Phong Nhã	13/07/2008	6.5		
1215	79005945	Trang Huệ Nhã	08/01/2008	7		
1216	79011738	Đặng Thanh Nhân	08/03/2008	6.5		
1217	56007352	Hà Thiện Nhân	04/10/2008	6.5		
1218	79016882	Hoàng Quý Thiện Nhân	30/09/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1219	79000458	Lê Nguyễn Trọng Nhân	01/05/2008	7		
1220	52001760	Nguyễn Ái Nhân	12/07/2008	6		
1221	79011739	Nguyễn Chí Nhân	29/03/2008	6		
1222	79011740	Nguyễn Đặng Thành Nhân	29/03/2008	8		1410
1223	79016883	Nguyễn Lâm Thiện Nhân	08/04/2008	6.5		
1224	79054322	Nguyễn Thanh Nhân	20/07/2008	6		
1225	79105858	Nguyễn Thiện Nhân	31/01/2008	7		
1226	82030340	Nguyễn Thiện Nhân	19/11/2008	7		
1227	79021033	Nguyễn Trí Nhân	09/11/2008	6.5		
1228	40004525	Nguyễn Trọng Nhân	13/12/2008	6		
1229	79105859	Phạm Như Chí Nhân	16/04/2008	6.5		
1230	92012180	Trần Nguyễn Quang Nhân	08/10/2008	6.5		
1231	52020654	Vi Văn Nhân	07/10/2008	6		
1232	79050205	Võ Thành Nhân	07/12/2008	6		
1233	79105860	Nguyễn Phước Nhẫn	05/03/2008	7.5		
1234	79130956	Trần Ngọc Nhật	28/04/2008	6		
1235	79052558	Đặng Minh Nhật	07/01/2008	6.5		
1236	48011608	Đoàn Minh Nhật	03/01/2008	6.5		
1237	40004530	Trần Quang Nhật	17/05/2008	6.5		
1238	79011745	Võ Hoàng Minh Nhật	21/09/2008	8		1420
1239	79109009	Cao Xuân Nhi	23/03/2008	6		
1240	79050797	Đinh Uyên Nhi	10/12/2008	7		
1241	79003104	Hoàng Ý Nhi	06/01/2008	7.5		1380
1242	79050206	Hoàng Yến Nhi	14/06/2008	6		
1243	91031514	Huỳnh Cao Xuân Nhi	28/07/2008	6		
1244	79011749	Huỳnh Hạnh Nhi	20/05/2008	6.5		
1245	79047967	Huỳnh Ngọc Uyên Nhi	20/01/2008	6		
1246	79021041	Huỳnh Nguyễn Phương Nhi	05/05/2008			1460
1247	79003106	Lâm Khánh Nhi	21/09/2008	6		
1248	79005954	Lâm Nguyễn Xuân Nhi	13/04/2008	6		
1249	79105866	Lâm Tuệ Nhi	12/07/2008	7		
1250	66030528	Lê Bình Yến Nhi	04/07/2008	7		1400
1251	79003107	Lê Hoàng Băng Nhi	01/01/2008	7		
1252	79047968	Lê Mai Khánh Nhi	05/12/2008	6.5		
1253	79062719	Lưu Yến Nhi	06/12/2007	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1254	79040141	Lý Tâm Nhi	03/12/2008	6.5		
1255	79050208	Nguyễn Bảo Nhi	25/10/2008	6		
1256	79098274	Nguyễn Đặng Thư Nhi	11/09/2008	6.5		
1257	68002108	Nguyễn Hoàng Xuân Nhi	10/05/2008	6.5		
1258	79016889	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	14/02/2008	6		
1259	79105873	Nguyễn Ngô Gia Nhi	03/05/2008	6		
1260	79007415	Nguyễn Phương Nhi	08/06/2008	7		
1261	40003885	Nguyễn Thị Phương Nhi	26/02/2008	7.5		1530
1262	79105875	Nguyễn Thị Xuân Nhi	15/03/2008	6		
1263	56005246	Phạm Khuê Nhi	06/02/2008	6		
1264	79093497	Quách Bảo Nhi	05/04/2008	7		
1265	79003112	Thái Tường Nhi	02/10/2008	6.5		
1266	79011754	Trần Hồ Phương Nhi	08/03/2008	6		
1267	79016893	Trần Lê Khải Nhi	11/04/2008	6		
1268	52020673	Trần Nguyễn Xuân Nhi	14/12/2008	7.5		1450
1269	79089586	Trần Thị Thảo Nhi	16/04/2008	7		
1270	79052567	Trịnh Tâm Nhi	05/02/2008	6		
1271	44020192	Văn Gia Bảo Nhi	16/09/2008	7		
1272	79003114	Văn Võ Phương Nhi	09/12/2008	7.5		1450
1273	91016277	Võ Huỳnh Phương Nhi	20/07/2008			1510
1274	79059658	Võ Ngọc Yến Nhi	13/09/2008	6		
1275	79050220	Võ Song Nhi	26/02/2008	7.5		
1276	75007048	Võ Uyên Nhi	21/04/2008	6.5		
1277	79005971	Vũ Tuệ Nhi	20/01/2008	7.5		
1278	79011757	Lê Nguyễn Hồng Nhiên	06/06/2008	7.5		1360
1279	79105879	Nguyễn An Nhiên	12/02/2008	7.5		
1280	79059659	Nguyễn Lê Thảo Nhiên	04/07/2008	7.5		
1281	79011758	Nguyễn Thị An Nhiên	10/11/2008	6		
1282	79011281	Nguyễn Vũ Hoàn Nhiên	13/07/2008	7.5		
1283	79011759	Võ Hà An Nhiên	23/11/2008	8		1530
1284	82028022	Bùi Hiếu Như	26/04/2008	6		
1285	79033446	Đặng Ngọc Như	30/11/2008	6		
1286	79088177	Đinh Quỳnh Như	17/04/2008	6.5		
1287	79032251	Dương Anh Như	16/03/2007	8		
1288	79052570	Hà Phạm Hương Như	02/10/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1289	79011285	Hồ Bảo Như	15/03/2008	6.5		
1290	79011761	Huỳnh Phan Yến Như	26/06/2008	6		
1291	79011762	Khru Khánh Như	19/01/2008	7		
1292	79063727	Lâm Tuyết Như	29/10/2007	6.5		
1293	79011765	Lê Sử Tổ Như	25/11/2008	7		1410
1294	01021098	Mai Viên Như	01/10/2008	7.5		
1295	66030544	Nguyễn Đào Khánh Như	25/01/2008	6		
1296	79037139	Nguyễn Hồ Quỳnh Như	21/07/2007			1380
1297	79095619	Nguyễn Ngọc Như	15/12/2008	6		
1298	48011631	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	04/01/2008	6		
1299	48024920	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	01/01/2008	7		
1300	82032203	Nguyễn Quỳnh Như	08/04/2008	6		
1301	79062729	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/01/2006	7.5		
1302	79109034	Nguyễn Trần Quỳnh Như	15/06/2008	6		
1303	92012199	Phạm Quỳnh Như	03/12/2008	6		
1304	75000449	Trần Khánh Như	16/01/2008	7		1390
1305	79011769	Trần Tâm Như	30/01/2008	7.5		1440
1306	82016088	Trần Thiện Như	05/08/2008	6.5		
1307	79113303	Trần Tổ Như	25/01/2008	7		1370
1308	79016901	Triệu Mẫn Như	13/07/2008	6		
1309	75007049	Dương Thị Cẩm Nhung	29/11/2008	6		
1310	79032884	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	07/04/2007	6		
1311	52000954	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	10/07/2008	6.5		
1312	79069865	Lý Thái Ni	04/08/2008	7.5		1350
1313	79005976	Đỗ Hoàng Xuân Ninh	11/01/2008	6.5		
1314	79111771	Dương Thị Khánh Ninh	23/07/2008	8		
1315	79003781	Nguyễn Kiều Oanh	31/10/2008	6.5		
1316	38028550	Mai Hoàng Phan	17/02/2008	7		
1317	79005979	Lâm Chấn Phát	12/11/2008	7		
1318	79105890	Ngô Lê Tiến Phát	27/06/2008	6		
1319	79101095	Nguyễn Hồng Phát	01/01/2008	6		
1320	79054343	Nguyễn Ngọc Gia Phát	16/10/2008	7.5		1340
1321	79005980	Nguyễn Thanh Phát	29/05/2008	6.5		
1322	86015554	Phan Hòa Phát	27/03/2008	7		
1323	79105891	Trần Tấn Phát	01/10/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1324	79069867	Trần Tiến Phát	03/01/2008	7.5		1450
1325	92022259	Huỳnh Đình Phi	07/11/2008	6.5		
1326	79032913	Chí An Phong	23/10/2006	6		
1327	79008357	Đình Thanh Phong	14/02/2008	6		
1328	79117977	Hoàng Huy Phong	14/07/2008	7.5		
1329	79010688	Nguyễn Lê Nhất Phong	28/06/2008	6		
1330	79052582	Nguyễn Thanh Phong	09/04/2008	6		
1331	79001050	Trần Nguyễn An Phong	24/01/2006	7.5		
1332	01030520	Vũ Đại Phong	20/07/2008	6.5		
1333	79005983	Đào Thiên Phú	13/10/2008	6.5		
1334	79105893	Đỗ Quốc Phú	21/11/2008	7.5		1370
1335	52000308	Hồ Minh Phú	29/05/2008	7.5		
1336	79000514	Lâm Gia Phú	16/01/2008	7.5		
1337	92027011	Lâm Nguyễn Phú	31/03/2008	7.5		
1338	79083674	Lường Hữu Phú	19/08/2008	6		
1339	79000516	Nguyễn Ngọc Thiên Phú	31/12/2008	7		
1340	68025094	Nguyễn Phan Thiên Phú	01/05/2008	6		
1341	86020942	Nguyễn Thiện Phú	26/07/2008	7		
1342	79050244	Phạm Thành Phú	11/05/2008	6.5		1370
1343	48004814	Phan Hữu Phú	07/08/2008	6.5		
1344	01022216	Trần Đình Phú	17/01/2008	8		
1345	92012217	Trần Gia Phú	16/09/2008	6.5		
1346	79011780	Đặng Vương Phúc	17/10/2008	6		
1347	52000313	Đỗ Duy Thiên Phúc	27/01/2008	6.5		
1348	79105897	Huỳnh Trịnh Vĩnh Phúc	16/08/2008	7.5		
1349	79011786	Lê Tấn Minh Phúc	21/08/2008	7.5		1430
1350	79105898	Lê Văn Tiến Phúc	31/10/2008	7		
1351	79105899	Nguyễn Hồng Phúc	05/06/2008	7.5		1410
1352	79059681	Nguyễn Lê Gia Phúc	06/07/2008	6		
1353	80028029	Nguyễn Lê Tâm Phúc	25/11/2008	6		
1354	44007246	Nguyễn Minh Phúc	07/09/2008	7		
1355	79109061	Nguyễn Minh Phúc	21/10/2008			1380
1356	92012225	Nguyễn Như Phúc	24/05/2008	7		
1357	79062309	Nguyễn Thiên Phúc	14/05/2008	7.5		
1358	79105902	Nguyễn Thiện Phúc	25/06/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1359	79051829	Nguyễn Thy Phúc	28/08/2008	6		
1360	79029392	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	18/07/2008	6		
1361	79050252	Nguyễn Trần Hồng Phúc	12/02/2008	7.5		
1362	48011650	Phạm Hồng Phúc	27/11/2008	7		
1363	79062310	Phạm Hồng Phúc	30/08/2008	6		
1364	79021086	Phan Hoàng Phúc	07/11/2008	6		
1365	79088209	Trần Bảo Phúc	30/08/2008	6		
1366	79011792	Trần Đăng Phúc	01/10/2008	8		1470
1367	79011793	Trần Ngô Minh Phúc	22/03/2008	7.5		1430
1368	79105904	Trần Ngọc Thủy Phúc	02/04/2008	7		
1369	79062312	Trần Nguyên Phúc	10/06/2008	7.5		1500
1370	79062311	Trần Nguyễn Minh Phúc	02/04/2008	7.5		
1371	79032935	Trình Quang Phúc	20/12/2007	6		
1372	79022966	Trương Thịnh Vĩnh Phúc	25/04/2008	6.5		
1373	79005988	Viên Bảo Phúc	16/11/2008	7		
1374	79005989	Võ Gia Phúc	19/09/2008	6		
1375	79088212	Võ Trọng Phúc	09/05/2008	6		
1376	79005990	Vũ Trần Trọng Phúc	20/02/2008	7.5		1400
1377	48027003	Lê Ngọc Kim Phụng	23/07/2008	6.5		
1378	79013523	Lê Vân Phụng	16/04/2008	6.5		
1379	79089615	Nguyễn Trịnh Mỹ Phụng	14/03/2008	6.5		
1380	66030581	Đặng Nguyễn Hữu Phước	26/12/2008	6		
1381	79016948	Hồ Thiên Phước	07/02/2008	6.5		
1382	56009360	Lê Cao Trọng Phước	25/03/2008	6		
1383	79050259	Nguyễn Xuân Nhật Phước	02/01/2008	6.5		
1384	48011651	Phạm Trần Anh Phước	07/04/2008	6.5		
1385	79003128	Đàm Nguyễn Hải Phương	16/04/2008	7		
1386	79060131	Đặng Hoàng Nam Phương	11/02/2008	6		
1387	75051064	Đặng Thị Minh Phương	03/02/2008	7.5		
1388	79066695	Đinh Nguyễn Nhất Phương	27/02/2008	6		
1389	96000412	Đỗ Nam Phương	07/12/2007	6.5		
1390	79011799	Đỗ Tứ Phương	21/09/2008	6.5		
1391	79105907	Lê Hoàng Phương	17/05/2008	7		
1392	79011801	Lê Mỹ Thanh Phương	06/05/2008	6.5		
1393	79003129	Lê Ngọc Nam Phương	01/01/2008	7.5		1420

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1394	79011802	Lê Nguyễn Nhã Phương	30/08/2008	7.5		
1395	79105908	Mai Hoàng Cúc Phương	25/08/2008	6		
1396	79062314	Ngô Yến Phương	30/01/2008	6		1350
1397	79105909	Nguyễn Bảo Phương	10/06/2008	6.5		
1398	79006394	Nguyễn Hà Mỹ Phương	26/10/2008	6.5		
1399	79062315	Nguyễn Hà Thủy Phương	30/04/2008	6.5		
1400	79069880	Nguyễn Hoàng Nam Phương	04/05/2008	7.5		
1401	79000537	Nguyễn Mai Phương	04/10/2007	7		
1402	79059690	Nguyễn Ngọc Nam Phương	24/05/2008	8		1500
1403	79011807	Nguyễn Quỳnh Phương	24/11/2008	6		
1404	79088223	Nguyễn Thị Cẩm Phương	28/03/2008	6		
1405	79069881	Nguyễn Trúc Phương	12/03/2008	6.5		
1406	79003822	Nguyễn Trương Ánh Phương	23/11/2008	7		
1407	79105913	Phạm Hoàng Phương	09/04/2008	7		
1408	79003131	Phạm Ngọc Nguyên Phương	19/09/2008	6		
1409	79037191	Phan Mai Phương	06/12/2007	7.5		1470
1410	07932950	Tạ Đoàn Minh Phương	15/03/2007	6.5		1400
1411	79011811	Thân Hà Phương	25/03/2008	6		
1412	79011812	Trần Hà Đông Phương	12/04/2008	6		
1413	66023028	Trần Hoài Bảo Phương	13/10/2008	6		
1414	52000329	Trần Lan Phương	15/04/2008	7		
1415	92012244	Trần Mai Lan Phương	29/05/2008	6		
1416	79011813	Trần Ngọc Thanh Phương	08/04/2008	6		
1417	79011814	Trần Nguyễn Khánh Phương	09/05/2008	7		1500
1418	79016963	Trần Quý Phương	16/12/2008	6		
1419	48017823	Võ Phạm Khả Phương	05/07/2008	6		
1420	79062317	Vũ Nam Phương	30/03/2008	7.5		
1421	48024952	Đặng Trần Anh Quân	25/02/2008	6		
1422	79052598	Đỗ Minh Quân	09/08/2008	7.5		
1423	79062321	Hồ Nguyễn Minh Quân	13/01/2008	7		
1424	79011819	Lê Anh Quân	18/04/2008	7.5		
1425	79109077	Lê Hoàng Quân	06/04/2008	7		
1426	82028069	Lê Hoàng Quân	09/09/2008	6		
1427	79011820	Lê Mỹ Quân	11/09/2008	7		1480
1428	79109079	Lư Nguyễn Anh Quân	10/01/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1429	79050278	Nguyễn Anh Quân	05/12/2008	6		
1430	48011669	Nguyễn Hoàng Quân	06/12/2008	6		
1431	79010716	Nguyễn Hoàng Quân	15/04/2008	7		
1432	79003138	Nguyễn Minh Quân	20/09/2008	8.5		1590
1433	79059040	Nguyễn Trung Quân	06/06/2008	6		
1434	79006002	Nguyễn Tùng Quân	11/02/2008	7.5		
1435	52000336	Phạm Hoàng Quân	15/02/2008	6		
1436	79105921	Tôn Khải Minh Quân	16/11/2008	7.5		
1437	79062324	Trần Minh Quân	26/02/2008	7		
1438	92022291	Triệu Long Quân	28/04/2008	6		
1439	48011675	Võ Hoàng Quân	02/10/2008	7.5		1400
1440	79011816	Dương Phú Quang	18/10/2008	8		1560
1441	79105917	Huỳnh Phương Quang	18/11/2008	7		1430
1442	79083134	Lê Kim Quang	29/06/2008	6		
1443	79011817	Ngô Nhật Quang	25/10/2008	7.5		1490
1444	01030565	Nguyễn Khắc Minh Quang	20/05/2008	6.5		
1445	66023033	Nguyễn Minh Quang	18/04/2008	6		
1446	79062319	Nguyễn Ngọc Quang	19/08/2008	7		1350
1447	38002688	Nguyễn Nhật Quang	10/11/2008	7		
1448	79109076	Nguyễn Trần Minh Quang	18/07/2008	6		
1449	79052597	Trần Đình Quang	08/07/2008	6.5		
1450	79098329	Trần Minh Quang	18/02/2008	7.5		
1451	79011824	Lâm Phan Tấn Quốc	24/07/2008	7.5		
1452	79052602	Võ Khải Quốc	29/08/2008	7.5		1480
1453	79006004	Đỗ Thành Quý	28/06/2008	7		
1454	46003219	Lê Ngọc Quý	05/09/2008	6.5		
1455	79109085	Nguyễn Thanh Quý	02/01/2008	7		
1456	82028074	Lê Bảo Xuân Quyên	09/09/2008	6		
1457	79087602	Lê Ngọc Trúc Quyên	20/08/2008	6		
1458	51006758	Nguyễn Lê Nhật Quyên	13/07/2008	6		
1459	79000562	Nguyễn Ngọc Phương Quyên	22/03/2008	6.5		
1460	79050290	Nguyễn Thùy Quyên	15/03/2008	7		
1461	80018556	Nguyễn Trần Thùy Quyên	20/03/2008	7.5		
1462	48017848	Phan Trúc Quyên	05/02/2008	6		
1463	79002541	Trần Võ Nhật Quyên	27/12/2008	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1464	66030605	Đặng Thị Nhật Quỳnh	02/02/2008	7		
1465	79011830	Hoàng Ngọc Quỳnh	18/03/2008	7		1350
1466	51006765	Lữ Ngọc Như Quỳnh	23/12/2008	7		
1467	79098341	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	07/05/2008	6		
1468	79088245	Nguyễn Như Quỳnh	13/09/2007	6.5		
1469	80018565	Nguyễn Trần Nhã Quỳnh	20/03/2008	8		
1470	79006013	Phạm Ngọc Khánh Quỳnh	30/11/2008	6		
1471	79017011	Phạm Nhã Quỳnh	28/10/2008	7.5		
1472	79021140	Phạm Như Quỳnh	03/03/2008	6		
1473	07989643	Phạm Thúy Quỳnh	13/07/2008	6		
1474	79011833	Phạm Trúc Quỳnh	19/03/2008	8		1470
1475	79003144	Phùng Ngọc Đan Quỳnh	13/06/2008	7.5		
1476	48001080	Thái Bảo Quỳnh	06/10/2008	6		
1477	66023077	Trần Ngọc Quỳnh	25/07/2008	6		
1478	79017015	Trịnh Diễm Quỳnh	01/12/2008	6		
1479	79098349	Võ Như Quỳnh	16/06/2008	6		
1480	79050298	Nguyễn Hà San	08/06/2008	7.5		
1481	79098352	Nguyễn Hải Sang	06/08/2008	6		
1482	79103069	Nguyễn Văn Tấn Sang	25/08/2008	6		
1483	79109098	Trần Quang Sang	18/11/2008			1350
1484	48011936	Nguyễn Ngọc Sáng	18/02/2008	6		
1485	79036621	Trương Quang Sáng	15/08/2008	6.5		
1486	79103077	Nguyễn Hoàng Sơn	28/09/2008	6		
1487	79109102	Nguyễn Huỳnh Thiên Sơn	14/01/2008	7.5		
1488	40003965	Nguyễn Trường Sơn	05/08/2008	6		
1489	79131557	Phạm Trần Thái Sơn	01/08/2008	6.5		
1490	48004834	Trần Thái Sơn	19/04/2008	6		
1491	48004835	Trần Thế Sơn	27/01/2008	6		
1492	79105931	Lê Thành Tài	03/04/2008	6.5		
1493	79088261	Nguyễn Khánh Tài	01/04/2008	6.5		
1494	48008947	Nguyễn Tấn Tài	30/05/2008	6		
1495	68023816	Nguyễn Thành Tài	01/01/2008	6.5		
1496	92012270	Bùi Ngô Khánh Tâm	13/05/2008	8		1390
1497	01023083	Đào Thanh Tâm	19/10/2008	7		1460
1498	75007127	Dương Thảo Tâm	26/07/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1499	79011839	Lê Huỳnh Phúc Tâm	10/11/2008	7.5		
1500	91017161	Nguyễn Lý Đăng Tâm	08/07/2008	6		
1501	68005397	Nguyễn ngọc Diệu Tâm	12/02/2008	6		
1502	79011845	Nguyễn Vũ Minh Tâm	10/08/2008	6		
1503	80018590	Phạm Lê Phương Tâm	22/07/2008	7.5		1390
1504	79054458	Phạm Nguyễn Thanh Tâm	30/09/2008	7.5		
1505	46003261	Tôn Nữ Minh Tâm	11/11/2008	7		
1506	79011847	Trịnh Minh Tâm	27/12/2008	6.5		
1507	79109114	Bùi Minh Tân	23/10/2008	7		
1508	86011844	Đoàn Minh Tân	10/11/2008	6.5		
1509	66030625	Lê Phúc Tân	12/04/2008	7		1460
1510	79006414	Nguyễn Hoàng Tấn	29/04/2008	6		
1511	79061806	Hoàng Nguyên Thái	01/05/1996	7		
1512	79033529	Lê Duy Thái	17/10/2008	6		
1513	86005474	Lê Minh Thái	04/01/2008	6		
1514	79049314	Nguyễn Lâm Thái	27/10/2008	6.5		
1515	01030640	Nguyễn Phúc Thắng	13/12/2008	7		1480
1516	79011866	Trần Đức Thắng	28/07/2008	6.5		
1517	79000597	Châu Hồng Bảo Thanh	04/11/2007	6.5		
1518	91016398	Huỳnh Lê Đan Thanh	08/09/2008	6		
1519	79098731	Lê Hoàng Mỹ Thanh	30/03/2008	6.5		
1520	91016402	Nguyễn Đan Thanh	15/12/2008	6.5		
1521	80005046	Nguyễn Lê Đan Thanh	25/08/2008	6.5		
1522	79005523	Nguyễn Thiên Thanh	01/06/2008	6		
1523	91016406	Phạm Ngọc Băng Thanh	02/03/2008	6		
1524	79126294	Phan Hà Thanh	09/05/2008	7		1500
1525	79001103	Sử Ngọc Thanh	02/09/2008	6		
1526	79011853	Trương Mỹ Thanh	26/02/2008	7		1410
1527	79006418	Bùi Huỳnh Công Thành	16/04/2008	6.5		
1528	79048630	Đỗ Ngọc Thành	05/07/2008	7.5		
1529	79050312	Huỳnh Công Thành	30/07/2008	6.5		
1530	79011854	Huỳnh Nhật Thành	31/10/2008	6		
1531	79105943	Huỳnh Phú Thành	03/04/2008	7		
1532	79011855	Lê Hữu Công Thành	12/12/2008	6.5		
1533	79033538	Nguyễn Văn Thành	26/03/2008	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1534	79092097	Phạm Trung Thành	04/09/2008	6		
1535	51015951	Văn Đức Trường Thành	20/04/2008	6.5		
1536	79017066	Đặng Uyên Thảo	31/12/2008	7.5		
1537	80017838	Đào Ngọc Thảo	22/02/2008	6		
1538	68002211	Đinh Thị Mai Thảo	31/01/2008	6.5		
1539	79052620	Đỗ Thanh Thảo	17/01/2008	7		
1540	79109128	Lê Phương Thảo	24/01/2008	7		
1541	19001950	Ma Phương Thảo	18/12/2008	6.5		
1542	79109130	Mã Thị Thanh Thảo	14/10/2008	6		
1543	79033544	Nguyễn Đình Thanh Thảo	28/04/2008	6.5		
1544	52016798	Nguyễn Đỗ Thảo Thảo	19/01/2008	7		
1545	48011961	Nguyễn Như Diệu Thảo	03/10/2008	6		
1546	79011859	Nguyễn Thùy Minh Thảo	09/01/2008	6		
1547	86011860	Phan Minh Thảo	01/08/2008	6		
1548	79011861	Thái Ngọc Phương Thảo	08/08/2008	6		
1549	79011864	Trương Lê Diệu Thảo	09/07/2008	7		
1550	79003881	Bùi Minh Thi	24/07/2008	7		
1551	79109141	Bùi Nguyễn Anh Thi	28/02/2008	6		
1552	79049918	Huỳnh Hoàng Thi	07/03/2008	7		
1553	79011868	Lê Cảnh Giang Thi	29/11/2008	7.5		1460
1554	01046970	Nguyễn Doãn An Thi	27/10/2008	8		1440
1555	52000372	Phan Vũ Bảo Thi	30/04/2008	7.5		1400
1556	79098390	Trương Quang Thi	15/07/2008	6.5		
1557	79021214	Trần Nhật Thiên	04/08/2008	7		
1558	96012467	Lâm Khả Thiện	25/09/2008	7.5		1410
1559	51006812	Ngô Minh Thiện	31/12/2007	6.5		
1560	79033030	Võ Nam Thiện	30/11/2008	6.5		
1561	79062351	Đỗ Quang Trường Thịnh	21/01/2008	7		
1562	79017099	Doãn Quốc Thịnh	17/03/2008	6		
1563	79048051	Lê Nguyễn Phúc Thịnh	16/06/2008	6.5		
1564	82034845	Ngô Đức Thịnh	12/05/2008	6.5		
1565	79006424	Nguyễn Đỗ Gia Thịnh	12/11/2008	6.5		
1566	79105955	Nguyễn Đỗ Hữu Thịnh	11/01/2008	6		
1567	79064658	Nguyễn Dương Phúc Thịnh	22/03/2008	6		
1568	82011607	Nguyễn Hồ Cao Thịnh	22/04/2008			1360

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1569	79043682	Nguyễn Hoàng Thịnh	14/07/2008	6.5		
1570	56009419	Nguyễn Phan Phúc Thịnh	05/11/2008	7		
1571	79006425	Nguyễn Phúc Thịnh	15/06/2008	7		1340
1572	79109147	Nguyễn Quang Thịnh	15/04/2008	7		
1573	79062353	Phan Phú Thịnh	26/07/2008	7		
1574	52000384	Trần Ngọc Thịnh	07/01/2008	6.5		
1575	79051943	Đặng Anh Thơ	12/08/2008	6		
1576	79062355	Hồ Hoàng Anh Thơ	24/02/2008	6		
1577	82011609	Nguyễn Anh Thơ	12/10/2007	7		
1578	66030660	Trần Lê Uyên Thơ	17/02/2008	6.5		
1579	56009423	Võ An Bảo Thơ	18/07/2008	6.5		
1580	80005084	Dương Chí Thông	26/02/2008	7.5		
1581	80018632	Hồ Việt Thông	24/11/2008	7		
1582	79062825	Nguyễn Hoàng Bá Thông	19/06/2007	7		1340
1583	79003182	Nguyễn Hữu Thông	29/10/2008	7		
1584	79017121	Triệu Quốc Thông	03/11/2008	6.5		
1585	79088314	Bùi Hồ Minh Thư	23/09/2008	6.5		
1586	79088315	Bùi Minh Thư	01/04/2008	6		
1587	79060223	Đào Anh Thư	05/09/2008	6		
1588	79098412	Huỳnh Anh Thư	18/05/2008	7		
1589	79013658	Huỳnh Minh Thư	05/08/2008	6		
1590	79050346	Huỳnh Ngọc Anh Thư	03/08/2008	7		
1591	79021246	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	09/02/2008	6.5		
1592	79052640	Lê Anh Thư	08/09/2008	6.5		
1593	51006851	Lê Âu Anh Thư	18/08/2008	6		
1594	79105964	Lê Hà Anh Thư	19/11/2008	7		
1595	79063311	Lê Minh Thư	19/09/2007	7		1520
1596	79105965	Lê Phúc Minh Thư	16/10/2008	7		
1597	75008598	Lê Uyên Thư	17/04/2008	6.5		
1598	79033569	Lê Viên Hồng Thư	28/02/2008	7		
1599	91033446	Lư Huỳnh Thư	22/11/2008	6.5		
1600	79089706	Lục Anh Thư	12/01/2008	6.5		
1601	79088320	Ngô Minh Thư	01/01/2008	6		
1602	01017340	Nguyễn Anh Thư	22/01/2008	7.5		
1603	79105966	Nguyễn Anh Thư	17/08/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1604	79126346	Nguyễn Hà Anh Thư	28/09/2008	6		
1605	79105967	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	29/07/2008	6.5		
1606	75001553	Nguyễn Minh Thư	16/11/2008	6		
1607	79013663	Nguyễn Minh Thư	02/10/2008	6		
1608	52000402	Nguyễn Ngô Anh Thư	20/11/2008	6		
1609	79011894	Nguyễn Ngọc Minh Thư	19/11/2008	6.5		
1610	79063317	Nguyễn Ngọc Minh Thư	16/07/2007	7		
1611	79109171	Nguyễn Nhật Song Thư	02/10/2008	6.5		
1612	79011897	Nguyễn Thanh Thư	05/07/2008	7.5		1440
1613	52001962	Nguyễn Trần Anh Thư	18/09/2008	6.5		
1614	79017158	Nguyễn Trịnh Anh Thư	23/10/2008	6		
1615	56008062	Nguyễn Vũ Khánh Thư	09/12/2007	6		
1616	82007973	Phạm Minh Thư	13/12/2008	6.5		
1617	79109173	Phan Hoài Minh Thư	01/12/2008	6.5		
1618	79017163	Trần Hoàng Anh Thư	30/04/2008	6		
1619	79060234	Trần Lê Anh Thư	01/09/2008	7.5		
1620	79011898	Trần Minh Thư	09/02/2008	7.5		
1621	68016583	Trần Nguyễn An Thư	14/05/2008	7		
1622	79062362	Võ Minh Thư	02/01/2008	8		
1623	48022693	Võ Ngọc Anh Thư	21/04/2008	7		
1624	79111828	Võ Ngọc Anh Thư	09/10/2008	6		
1625	79017166	Võ Ngọc Minh Thư	31/10/2008	6		
1626	79011899	Võ Việt Anh Thư	06/12/2008	6		
1627	79088308	Trần Võ Gia Thục	11/03/2008	7		
1628	79047555	Trần Thị Thanh Thương	03/02/2008	6		
1629	79047556	Trần Hồng Hoàng Thường	03/09/2008	6		
1630	79003883	Nguyễn Mai Phương Thùy	12/03/2008	6		
1631	79011878	Lê Nguyên Ngọc Thúy	20/08/2008	6		
1632	79017133	Đinh Ngọc Thùy	18/04/2008	6		
1633	79109158	Nguyễn Minh Thùy	16/09/2008	6.5		
1634	56007495	Trần Lê Thùy	15/10/2008	7		
1635	66030670	Trần Nguyễn Phương Thùy	30/09/2008	8		
1636	01023096	Lê Hương Thủy	01/11/2008	6.5		
1637	79003187	Đặng Quân Thụy	15/10/2008	6		
1638	79003886	Hồ Gia Thụy	02/10/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1639	79059752	Chu Nguyễn Bảo Thy	29/04/2008	6		
1640	79065518	Đặng Trương Minh Thy	07/08/2008	7.5		
1641	79011901	Huỳnh Ngọc Bảo Thy	10/10/2008	8		
1642	66023204	Huỳnh Thị Bảo Thy	27/06/2008	7.5		
1643	79105983	Lại Ngọc Mai Thy	21/08/2008	7		
1644	48012004	Nguyễn Bảo Thy	28/11/2008	6.5		
1645	56009445	Nguyễn Đình Minh Thy	30/05/2008	6		
1646	75026173	Nguyễn Hà Bảo Thy	29/10/2008	6		
1647	66023211	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	13/12/2008	6		
1648	79006452	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	14/02/2008	6.5		
1649	79050363	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	24/06/2008	6		
1650	79017174	Nguyễn Ngọc Khánh Thy	07/11/2008	6		
1651	91016477	Nguyễn Phúc Anh Thy	17/05/2008	6		
1652	79006454	Phạm Anh Thy	11/02/2008	7		
1653	79011902	Phạm Bảo Nguyên Thy	07/01/2008	7.5		1430
1654	79109181	Phạm Hồ Việt Thy	21/01/2008	7		
1655	79006455	Phạm Phương Thy	28/01/2008	6.5		
1656	79011903	Phan Nguyễn Bảo Thy	05/01/2008	6.5		
1657	79006035	Trần Thụy Bảo Thy	02/10/2008	7		
1658	79105988	Trần Võ Anh Thy	26/07/2008	7		
1659	79092161	Trương Ngọc Bảo Thy	10/07/2008	6		
1660	79003894	Trương Ngọc Minh Thy	20/05/2008	7		
1661	46003350	Từ Châu Khánh Thy	23/02/2008	7.5		
1662	79011906	Võ Nguyễn Bảo Thy	15/01/2008	6		
1663	79098429	Đặng Hồng Tiên Tiên	02/01/2008	6		
1664	75043416	Lê Thị Thủy Tiên	27/08/2008	7.5		
1665	79125261	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22/05/2008	6		
1666	79052648	Trương Mỹ Tiên	10/05/2008	6.5		
1667	79137091	Lê Nhật Tiến	16/10/2008	6		
1668	79010831	Lê Việt Tiến	02/12/2008	6.5		
1669	79105993	Nguyễn Duy Tiến	15/08/2008	6.5		
1670	92022364	Nguyễn Minh Tiến	19/06/2008	6		
1671	79105995	Nguyễn Nhật Tiến	08/09/2008	7.5		
1672	79131129	Nguyễn Việt Tiến	17/01/2008	7.5		
1673	75011203	Phạm Chân Tín	16/11/2008	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1674	79011920	Nguyễn tấn Toàn	03/11/2008	6		
1675	79062848	Phạm Khánh Toàn	30/08/2008	7.5		
1676	66003435	Lương Hồng Thanh Trà	05/12/2008	7.5		1440
1677	79006462	Nguyễn Nhật Hương Trà	19/11/2008	6.5		
1678	79006463	Sơn Trà	16/10/2008	6		
1679	51006900	Bùi Bích Trâm	06/09/2008	7		
1680	82013585	Bùi Phạm Ngọc Trâm	08/04/2008	6		
1681	79011927	Đoàn Ngọc Quỳnh Trâm	22/04/2008	6.5		
1682	48012041	Đoàn Thị Ngọc Trâm	09/04/2008	6		
1683	79059764	Huỳnh Đăng Ngọc Trâm	14/03/2008	6.5		
1684	79055899	Lê Ngọc Trâm	19/09/2008	6		
1685	79017215	Nguyễn Kiều Bảo Trâm	19/01/2008	6.5		
1686	79037725	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	18/11/2007	6		
1687	79109244	Nguyễn Phan Mỹ Trâm	06/08/2008	6		
1688	79011932	Nguyễn Quỳnh Bảo Trâm	14/04/2008	7.5		1410
1689	79011933	Nguyễn Thị Thùy Trâm	13/06/2008	6.5		
1690	79119786	Nguyễn Thị Thùy Trâm	06/10/2008	7.5		
1691	79101328	Phạm Huỳnh Phương Trâm	01/08/2008	6.5		
1692	79123778	Phạm Nguyễn Ngọc Trâm	18/10/2008	6.5		
1693	51006909	Tạ Lê Bảo Trâm	06/05/2008	6		
1694	79014329	Trần Ngọc Trâm	21/09/2008	6.5		
1695	86024561	Trần Ngọc Trâm	23/09/2008	6		
1696	79003904	Trần Ngọc bảo Trâm	08/03/2008	6		
1697	79109256	Trương Bảo Trâm	09/02/2008	6		
1698	79011935	Trương Lê Thảo Trâm	25/01/2008	7		
1699	48004441	Võ Lê Bảo Trâm	20/10/2008	7.5		
1700	82028193	Châu Minh Trân	01/08/2008	6		
1701	79050394	Đặng Nguyễn Bảo Trân	17/11/2008	7.5		
1702	79089764	Hà Nguyễn Bảo Trân	12/05/2008	7		
1703	79106008	Huỳnh Nam Trân	13/01/2008	6.5		
1704	79006477	Lâm Tú Trân	07/11/2008	6.5		
1705	80005149	Lê Bảo Trân	25/03/2008	6		
1706	79011937	Nguyễn Bảo Trân	19/09/2008	6.5		1390
1707	79126392	Nguyễn Lê Bảo Trân	24/09/2008	6.5		
1708	66023279	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	22/10/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1709	79003908	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	22/09/2008	6.5		
1710	79006482	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	12/01/2008	7.5		
1711	79109262	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	17/05/2008	7		
1712	79017230	Nguyễn Ngọc Hoàng Trân	06/01/2008	6		
1713	75000621	Nguyễn Ngọc Phương Trân	26/05/2008	6.5		
1714	79052667	Nguyễn Trần Huyền Trân	16/06/2008	6		
1715	79098444	Phạm Nguyễn Bảo Trân	22/10/2008	6		
1716	86000466	Phan Thị Ngọc Trân	04/01/2008	6		
1717	79010861	Tăng Thế Bảo Trân	30/04/2008	7		
1718	79052668	Thân Nguyễn Bảo Trân	26/04/2008	6		
1719	82031240	Tô Ngọc Trân	07/04/2008	6		
1720	48012057	Trần Bảo Trân	23/03/2008	7.5		
1721	66018403	Trần Huyền Trân	05/01/2008	6		
1722	79011357	Trần Ngọc Mai Trân	30/03/2008	7		
1723	52000437	Trần Nguyễn Quế Trân	23/02/2008	6		
1724	51006914	Trương Nguyễn Bảo Trân	18/11/2008	7		
1725	79006485	Võ Châu Huyền Trân	22/08/2008	6.5		
1726	79109207	Diệp Hà Yến Trang	10/05/2008	6.5		
1727	79017202	Đinh Ngọc Trang	18/04/2008	6		
1728	75001590	Đinh Trần Phương Trang	14/08/2008	6		
1729	79084880	Đỗ Ngọc Yến Trang	04/08/2008	6		
1730	79049936	Lê Ngọc Thùy Trang	19/09/2008	6		
1731	75000605	Lê Thị Thùy Trang	31/01/2008	7		
1732	79011921	Lý Phước Minh Trang	10/07/2008	6.5		
1733	79003900	Mã Thị Huyền Trang	28/09/2008	6.5		
1734	79003901	Nguyễn Hà Trang	18/08/2008	7.5		1550
1735	48004436	Nguyễn Lê Khánh Trang	27/06/2008	7.5		1340
1736	48004437	Nguyễn Lê Thảo Trang	27/06/2008	7.5		1440
1737	79069972	Nguyễn Ngọc Phương Trang	01/01/2008	6.5		
1738	79062849	Nguyễn Thị Hương Trang	23/04/2008	6		
1739	25000688	Nguyễn Thị Mai Trang	03/08/2008	7		
1740	48012036	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	09/01/2008	6.5		
1741	79006047	Trần Ngọc Thảo Trang	05/01/2008	6.5		
1742	79017211	Vũ Yến Trang	20/12/2008	7.5		
1743	52013121	Huỳnh Võ Viễn Tri	28/10/2008	7.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1744	79014339	Bùi Ngọc Đức Trí	28/07/2008	6		
1745	79098447	Dương Khải Trí	14/04/2008	7		1390
1746	82006103	Dương Trương Thượng Trí	16/08/2008	6		
1747	79011944	Lê Nguyễn Minh Trí	08/02/2008	7.5		1360
1748	79106015	Lưu Minh Trí	20/12/2008	7		
1749	79006488	Nguyễn Ngọc Minh Trí	22/01/2008	6		
1750	79052673	Nguyễn Thành Trí	10/01/2008	7		
1751	79011948	Nguyễn Tô Minh Trí	24/01/2008	8		1520
1752	51006917	Nguyễn Trần Phùng Trí	13/09/2008	7		
1753	86011926	Phan Hữu Trí	19/06/2008	7		
1754	66030722	Tôn Thất Hoàng Trí	10/11/2008	8		
1755	91015733	Trần Đức Trí	07/12/2008	6		
1756	48010580	Trần Minh Trí	31/12/2008	6.5		
1757	79011954	Trương Quang Minh Trí	02/01/2008	6.5		
1758	79003230	Hồ Ngọc Triển	09/01/2008	7		
1759	48012065	Đỗ Minh Triết	19/10/2008	6		
1760	79011956	Lương Tuệ Triết	19/10/2008	6.5		
1761	79106017	Trịnh Minh Triết	01/03/2008	6		
1762	79134236	Võ Đình Minh Triết	07/11/2008	6		
1763	79003914	Vũ Gia Triết	28/05/2008	6		1410
1764	80005169	Đặng Ngọc Phương Trinh	12/03/2008	6		
1765	01036649	Đỗ Hà Trinh	13/12/2008	6		
1766	79052676	Đoàn Ngọc Trinh	29/08/2008	6		
1767	79052678	Phan Kiều Trinh	08/09/2008	6		
1768	66030726	Huỳnh Thái Trịnh	18/08/2008	6		
1769	48004445	Lê Minh Trọng	26/05/2008	6.5		1400
1770	01030670	Lục Hoàng Minh Trọng	23/02/2008	6		
1771	79029588	Võ Trần Đức Trọng	02/11/2008	7		
1772	79023654	Bùi Thanh Trúc	31/07/2008	7		
1773	79131678	Hoàng Thị Thanh Trúc	14/10/2008	6		
1774	79050412	Lâm Nhã Trúc	04/09/2008	6.5		
1775	79048118	Lê Nguyễn Thanh Trúc	15/10/2008	6		
1776	79011959	Lê Vũ Thủy Trúc	26/01/2008	6.5		
1777	79065535	Nguyễn Hà Ngọc Trúc	05/06/2008	7.5		
1778	79052680	Nguyễn Phương Trúc	22/11/2008	6		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1779	79011963	Nguyễn Thanh Trúc	14/04/2008	7		
1780	79050414	Phạm Ngọc Thanh Trúc	07/12/2008	7		
1781	79126409	Phạm Thanh Trúc	30/01/2008	7		
1782	79011964	Phan Xuân Trúc	16/02/2008	7.5		
1783	91000808	Trương Lê Ngọc Trúc	16/07/2008	7		1380
1784	79133379	Võ Lê Thanh Trúc	10/07/2008	6		
1785	79059163	Đặng Ngọc Thiên Trung	27/09/2008	6.5		
1786	79006498	Mai Thành Trung	23/04/2008	6		
1787	82008024	Nguyễn Chánh Trung	11/09/2008	7.5		
1788	79114776	Võ Minh Trung	23/01/2008	6.5		
1789	79006504	Lê Hoàng Minh Trường	25/08/2008	7.5		1380
1790	79011969	Lê Vũ Xuân Trường	29/03/2008	7		1530
1791	01013258	Nguyễn Khánh Trường	13/10/2008	6.5		
1792	40029919	Trần Tử Trường	22/01/2007	6.5		
1793	79003917	Cao Gia Tú	27/01/2008	7		
1794	79011970	Đỗ Hoàng Tuấn Tú	08/05/2008	7.5		1430
1795	79003918	La Hoàng Cẩm Tú	27/09/2008	6		
1796	79052683	Lê Hoàng Tú	22/04/2008	7		
1797	79106023	Lê Tuấn Tú	30/10/2008	6.5		
1798	56008873	Lưu Anh Tú	12/10/2008	7.5		
1799	79011973	Nguyễn Gia Tú	05/04/2008	7		
1800	79059790	Nguyễn Lương Anh Tú	01/01/2008	6.5		
1801	79106024	Nguyễn Thái Minh Tú	02/06/2008	7		
1802	68002317	Phan Minh Tú	09/07/2008	6		
1803	79126421	Bùi Đức Tuấn	12/02/2008	6		
1804	79003921	Đỗ Minh Tuấn	10/06/2008	7		
1805	79011974	Hồ Hà Việt Tuấn	20/10/2008	7		1360
1806	79033649	Huỳnh Anh Tuấn	12/02/2008	6		
1807	79011975	Lê Vũ Trọng Tuấn	21/03/2008	6.5		
1808	79052689	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	13/11/2008	6		
1809	75007240	Nguyễn Hoàng Đức Tuấn	20/06/2008	6.5		
1810	48012085	Nguyễn Minh Tuấn	06/03/2008	6.5		
1811	79011977	Nguyễn Minh Tuấn	01/03/2008	8		
1812	82028230	Nguyễn Minh Tuấn	10/05/2008	6.5		
1813	79106029	Nguyễn Phan Anh Tuấn	12/11/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1814	79106031	Phạm Anh Tuấn	22/04/2008	7		
1815	79062870	Phạm Đức Tuấn	25/02/2008	6		
1816	86015760	Phạm Nguyên Tuấn	21/06/2008	7.5		
1817	92013659	Phan Anh Tuấn	09/03/2008	6.5		
1818	79109295	Phan Lê Tuấn	28/06/2008	8		
1819	79003922	Phan Minh Tuấn	04/02/2008	7.5		1400
1820	79127271	Vũ Đình Minh Tuấn	28/10/2008	6		
1821	68018065	Nguyễn Đăng Gia Tuệ	29/02/2008	7.5		
1822	48030570	Nguyễn Trần Gia Tuệ	14/09/2008	6		
1823	91016555	Phạm Gia Tuệ	04/01/2008	6.5		
1824	92009468	Phan Đình Tuệ	01/12/2008	6		
1825	25035885	Phan Trọng Tuệ	23/06/2007	7.5		
1826	48012088	Trần Anh Tuệ	20/08/2008	6.5		
1827	79003924	Trương Gia Tuệ	16/07/2008	6		
1828	79062874	Dương Gia Bảo Tùng	05/04/2008	6		
1829	51006956	Ngô Bá Tùng	15/03/2008	6		
1830	79052651	Nguyễn Anh Minh Tùng	03/03/2008	6.5		
1831	79131179	Nguyễn Xuân Tùng	17/08/2007	6		
1832	01013987	Phạm Hoàng Tùng	13/04/2008	6.5		
1833	79000691	Trần Minh Tùng	21/10/2004	7.5		1430
1834	82009191	Võ Thanh Tùng	03/07/2008	7		
1835	79011393	Chung Vĩ Tường	24/10/2008	6.5		
1836	82035029	Đặng Thái Tường	17/04/2008	6.5		
1837	79021315	Dương Thế Tường	20/03/2008	7		
1838	79126430	Võ Bùi Cát Tường	21/12/2008	7.5		1580
1839	91016560	Lê Ngọc Minh Tuyết	10/02/2008	6		
1840	79133398	Nguyễn Ngọc Tỷ	05/03/2008	7.5		
1841	79088384	Nguyễn Đức Uy	24/12/2008	7		
1842	82028241	Bùi Thị Thảo Uyên	27/09/2008	6		
1843	52022850	Đặng Bảo Uyên	01/03/2008	6.5		
1844	79006515	Đỗ Ngọc Phương Uyên	07/07/2008	7		
1845	79003926	Đỗ Thụy Mỹ Uyên	21/10/2008	6		
1846	79055939	Đỗ Xuân Uyên	20/06/2008	6		
1847	79106036	Lâm Nhã Uyên	03/01/2008	7.5		
1848	79098478	Nguyễn Huỳnh Minh Uyên	06/09/2008	6.5		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1849	79006518	Nguyễn Huỳnh Thanh Uyên	15/03/2008	7.5		1400
1850	79088388	Nguyễn Lê Bảo Uyên	20/02/2008	6		
1851	79017309	Nguyễn Ngọc Thanh Uyên	02/06/2008	7.5		
1852	79011988	Nguyễn Phạm Minh Uyên	12/01/2008	7		
1853	79011989	Nguyễn Phan Tường Uyên	02/04/2008	8		1500
1854	79003927	Nguyễn Tú Uyên	23/07/2008	7.5		
1855	79003928	Phạm Châu Minh Uyên	03/03/2008	7		1450
1856	79006525	Phạm Hoàng Phương Uyên	05/02/2008	6		
1857	79011990	Phạm Minh Uyên	28/11/2008	8		1560
1858	52024234	Phan Phương Uyên	27/10/2008	6		
1859	79006527	Tăng Gia Uyên	18/04/2008	6		
1860	79070021	Trần Phương Uyên	21/08/2008	6		
1861	79070022	Trần Thùy Mỹ Uyên	17/11/2008	6		
1862	79011992	Trương Nhã Uyên	21/02/2008	7.5		
1863	79021322	Võ Dương Phương Uyên	12/01/2008	6		
1864	79006532	Đỗ Tường Vân	31/01/2008	6.5		
1865	79106047	Huỳnh Khánh Vân	12/10/2008	6		
1866	79017319	Lê Thị Kim Vân	17/01/2008	6		
1867	56008151	Lê Trần Khánh Vân	18/09/2008	6		
1868	68007554	Nguyễn Hạnh Vân	03/01/2008	7		
1869	79006534	Nguyễn Mạnh Tường Vân	15/01/2008	7		
1870	79101403	Nguyễn Nguyễn Thanh Vân	21/07/2008	6.5		
1871	66023349	Tổng Khánh Vân	05/01/2008	7.5		
1872	79088400	Trương Thanh Vân	21/05/2008	7		
1873	79062885	Vũ Thanh Vân	29/12/2008	6.5		
1874	79003929	Hoàng Trọng Văn	01/08/2008	6.5		
1875	66030749	Đặng Nguyễn Hà Vi	12/03/2008	6		
1876	86022997	Hồ Thị Thảo Vi	01/04/2008	6		
1877	92012405	Lương Ngọc Ái Vi	20/06/2008	6		
1878	07911996	Nguyễn Bạch Khánh Vi	02/12/2008	6		
1879	79070028	Nguyễn Ngọc Tường Vi	12/05/2008	6		
1880	79128053	Tô Nguyễn Tường Vi	11/07/2008	6		
1881	75000663	Đỗ Trương Hoàng Việt	10/03/2008	7.5		
1882	92012409	Mai Ngô Quốc Việt	03/09/2008	7.5		
1883	79003933	Nguyễn Việt	29/06/2008	7		1360

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1884	79040279	Nguyễn Dương Thiên Việt	21/11/2008	7.5		
1885	79069459	Nguyễn Lê Hoài Việt	05/06/2008	6		
1886	79062888	Phan Quốc Việt	23/05/2008	7.5		
1887	01031434	Trần Hoàng Việt	13/02/2008	6		
1888	79011998	Võ Hồng Việt	22/12/2008	8		
1889	79003934	Võ Hùng Việt	10/04/2008	6.5		
1890	82032463	Đỗ Thành Vinh	28/07/2008	6.5		
1891	79003936	Lê Võ Phú Vinh	20/10/2008	6		1370
1892	79037313	Nguyễn Công Vinh	23/03/2007	7		
1893	79106050	Nguyễn Công Vinh	08/04/2008	6.5		
1894	79062891	Nguyễn Thị Anh Vinh	07/03/2008	7.5		
1895	79088410	Nguyễn Trịnh Phú Vinh	26/05/2008	6.5		
1896	79014385	Nguyễn Tuấn Vinh	24/10/2008	6		
1897	79001189	Phạm Trần Quang Vinh	28/10/2008	7.5		
1898	82028252	Thái Quốc Vinh	26/07/2008	7.5		
1899	48000326	Trịnh Nguyễn Nhật Vinh	09/06/2008	7.5		1370
1900	79059812	Vũ Duy Vinh	28/03/2008	7		
1901	79055953	Lê Hoàng Cát Vĩnh	24/07/2008	6		
1902	79106053	Lê Doãn Tân Hoàng Vũ	04/03/2008	6.5		
1903	79062893	Xà Diệp Anh Vũ	31/01/2008	7		
1904	79012001	Lê Thủy Vương	17/11/2008	6		
1905	79025088	Cang Tiểu Vy	30/08/2008	6		
1906	92022434	Cao Nguyễn Khánh Vy	19/03/2008	7		
1907	79033683	Chung Trần Phương Vy	14/10/2008	6.5		
1908	79109319	Đặng Phương Vy	28/10/2008	6		
1909	79050933	Đặng Thảo Vy	13/04/2008	6.5		
1910	79106057	Huỳnh Nguyễn Gia Vy	13/08/2008	7		
1911	79003939	Huỳnh Quang Kim Vy	22/11/2008	6.5		1410
1912	79052713	Lê Thị Hà Vy	14/04/2008	6		
1913	79062896	Nguyễn Đặng Trúc Vy	12/05/2008	6.5		
1914	51001303	Nguyễn Hạ Vy	07/06/2008	6		
1915	79003940	Nguyễn Hà Phương Vy	31/10/2008	7.5		
1916	79098517	Nguyễn Hoàng Phương Vy	14/04/2008	6.5		
1917	75011287	Nguyễn Huyền Khánh Vy	14/03/2008	6		
1918	79003941	Nguyễn Khánh Vy	03/11/2008	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1919	79070041	Nguyễn Kiều Vy	17/09/2008	6		
1920	80004013	Nguyễn Lê Thảo Vy	06/12/2008	6		
1921	82028263	Nguyễn Ngọc Phương Vy	07/10/2008	6		
1922	96012578	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	29/10/2008	6		
1923	56019245	Nguyễn Nhật Vy	08/11/2008	7		
1924	79103331	Nguyễn Nhựt Phương Vy	31/08/2008	6		
1925	79006552	Nguyễn Phạm Nhật Vy	02/12/2008	6.5		
1926	79070045	Nguyễn Phạm Tường Vy	24/11/2008	6		
1927	79106069	Phạm Lê Vy	15/09/2008	7.5		
1928	79007621	Phạm Ngọc Uyên Vy	18/11/2008	6		
1929	79088430	Phạm Nguyễn Phương Vy	02/01/2008	6		
1930	79101432	Phan Nguyễn Tường Vy	13/07/2008	6		
1931	79098527	Phan Thảo Vy	20/12/2008	6.5		
1932	79106072	Trần Khánh Vy	15/12/2008	6		
1933	79011419	Trần Lê Vy	25/11/2008	6.5		
1934	79006557	Trần Ngọc Lan Vy	30/05/2008	8.5		
1935	79034098	Trần Nguyễn Phương Vy	27/03/2008	6.5		
1936	80018818	Trần Nguyễn Tường Vy	15/02/2008	6.5		
1937	79109334	Trần Thảo Vy	06/02/2008	6		
1938	79109335	Trần Tường Vy	20/10/2008	6.5		
1939	79106077	Trương Thụy Khánh Vy	13/12/2008	7.5		
1940	79017360	Trương Ý Vy	12/12/2008	6.5		
1941	79062417	Võ Bảo Vy	17/10/2008	6		
1942	79021352	Võ Ngọc Khánh Vy	10/08/2008	7		
1943	79106080	Vương Yến Vy	30/04/2008	6.5		
1944	66031564	Huỳnh Duyên Xuân	24/01/2008	7		
1945	79017364	Phạm Bùi Tâm Y	05/01/2008	7		
1946	79010939	Dương Như Ý	15/10/2008	6		
1947	79109338	Nguyễn Thị Như Ý	12/12/2008	7		
1948	79050467	Trần Ngọc Như Ý	07/11/2008	6.5		
1949	79109339	Trần Ngọc Như Ý	01/11/2008	6		
1950	79106092	Võ Trần Như Ý	27/07/2008	6		
1951	66022808	Đặng Nguyễn Yaly	09/03/2008	8		
1952	79012020	Bùi Bảo Yến	17/12/2008	6		
1953	48011743	Đặng Hải Yến	21/01/2007	7		

Stt	Số báo danh		Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1954	79012022	Hoàng Mỹ Yên	27/04/2008	7		1510
1955	79070062	Nguyễn Hải Yên	24/10/2008	6.5		
1956	79003950	Nguyễn Võ Hải Yên	16/12/2008	6		
1957	79012024	Phạm Hoàng Yên	04/08/2008	7		
1958	79062901	Trần Thị Kim Yên	21/01/2008	6.5		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH